

# **BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN** **NĂM 2024**



<http://www.phongphucorp.com/>

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ** **PHONG PHÚ CORPORATION**

📍 48 Tầng Nhon Phú, KP.18, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
48 Tang Nhon Phu, Quarter 18, Tang Nhon Phu Ward, Thu Duc City, HCM City

☎ (84 28) 6684 7979    ✉ [info@phongphucorp.com](mailto:info@phongphucorp.com)  
🌐 [phongphucorp.com](http://phongphucorp.com)

# MỤC LỤC

## 01

### Thông tin chung

6

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

## 02

### Tình hình hoạt động trong năm

32

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## 03

### Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc

68

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính (hợp nhất)

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



## 04

### Đánh giá của Hội đồng quản trị

88

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 05

### Quản trị Công ty

96

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

## 06

### Báo cáo tài chính

108

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



# 01

## Thông tin chung

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Tên quốc tế: PHONG PHU CORPORATION

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301446006 cấp lần đầu vào ngày 20/02/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 20/01/2025 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, KP18, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

Số điện thoại: (028) 6684 7979

Website: <http://www.phongphucorp.com>

Email: [info@phongphucorp.com](mailto:info@phongphucorp.com)

MÃ CỔ PHIẾU

PPH

VỐN ĐIỀU LỆ

746.708.910.000 đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.769.495.680.797 đồng

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 14/10/1964 đặt viên đá đầu tiên xây dựng Khu Kỹ nghệ Sicovina – Phong Phú trực thuộc Công ty kỹ nghệ Bông vải Việt Nam

1964

1966

Nhà máy đầu tiên chính thức đi vào hoạt động có quy mô nhỏ gồm 3 xưởng sản xuất (Sợi - Dệt - Nhuộm), với tổng số CB, CNV hơn 1.050 người. Sản phẩm chủ lực: sợi và vải (Satin, Batist, Crèstone, Khaki, vải xiêm, vải ú đen,...).

Nhà máy được đổi tên thành Nhà máy Dệt Phong Phú.

1975

1986

Ngoài các sản phẩm chủ lực là vải, sợi, Phong Phú còn phát triển thêm về mặt hàng khăn bông, vải kate sọc, vải jeans.

1989

Liên doanh với Tập đoàn Coats của Vương Quốc Anh để sản xuất chỉ may. Đến nay Coats Phong Phú là một trong những đơn vị lớn mạnh nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Chuyển đổi cơ cấu tổ chức thành Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2006

2007

Ngày 11/01/2007, Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp đã ra quyết định số 06/2007/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty Phong Phú.

Phong Phú đã triển khai cổ phần hoá Tổng công ty mẹ và tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 15/01/2009 với vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng.

2009

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Tổng công ty tái cấu trúc, hoàn thiện chuỗi cung ứng khép kín từ sợi - dệt - nhuộm - may, đón đầu các hiệp định thương mại tự do, gia tăng nội lực doanh nghiệp và tăng tốc đầu tư.

2014

2017

Mã chứng khoán PPH của Tổng Công ty CP Phong Phú chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM.

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tự hào là nhà cung cấp sản phẩm khăn bông cho sự kiện FIFA World Cup 2022.

2022

2023

Năm 2023, Tổng Công ty được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam trao bằng Khen “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động”. Đây là một chương trình do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) triển khai từ năm 2014. Từ năm 2018 đến nay, Phong Phú liên tục được Công đoàn Dệt May Việt Nam tặng bằng khen “Doanh nghiệp tiêu biểu Vì Người lao động” Ngành Dệt May Việt Nam.

Năm 2024 đánh dấu mốc phát triển quan trọng trong hành trình 60 năm của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (1964-2024). Đặc biệt, lần thứ 9 liên tiếp, thương hiệu khăn bông cao cấp Mollis của Phong Phú tự hào đạt danh hiệu cao quý “Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2024”. Mollis không chỉ khẳng định vị thế của mình bằng việc ra mắt các sản phẩm khăn bông cao cấp với chất liệu thân thiện môi trường, thiết kế tinh tế, mẫu mã phong phú, mà còn trở thành biểu tượng của sự chăm sóc và phong cách sống hiện đại.

2024



CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

- Đơn vị Anh hùng Lao động
- Huân chương Độc lập hạng ba, hạng nhì, hạng nhất
- Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất
- Huân chương Chiến công hạng ba
- Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ
- Hàng Việt Nam chất lượng cao
- Doanh nghiệp Nhà nước tiêu biểu
- Cúp vàng Vì sự phát triển của cộng đồng
- Thương hiệu Việt yêu thích
- Giải Sao vàng đất Việt
- Nhà cung cấp xuất sắc của tập đoàn siêu thị Target lớn nhất Hoa Kỳ
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín
- Giải thưởng trách nhiệm xã hội
- Top 10 Ngôi sao kinh doanh Việt
- Doanh nghiệp có thương hiệu sản phẩm được lựa chọn tham gia chương trình Thương hiệu Quốc gia
- Top 10 Thương hiệu Việt



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Dệt may là lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống lâu đời và cũng là thế mạnh của Tổng Công Ty Cổ Phần Phong Phú.

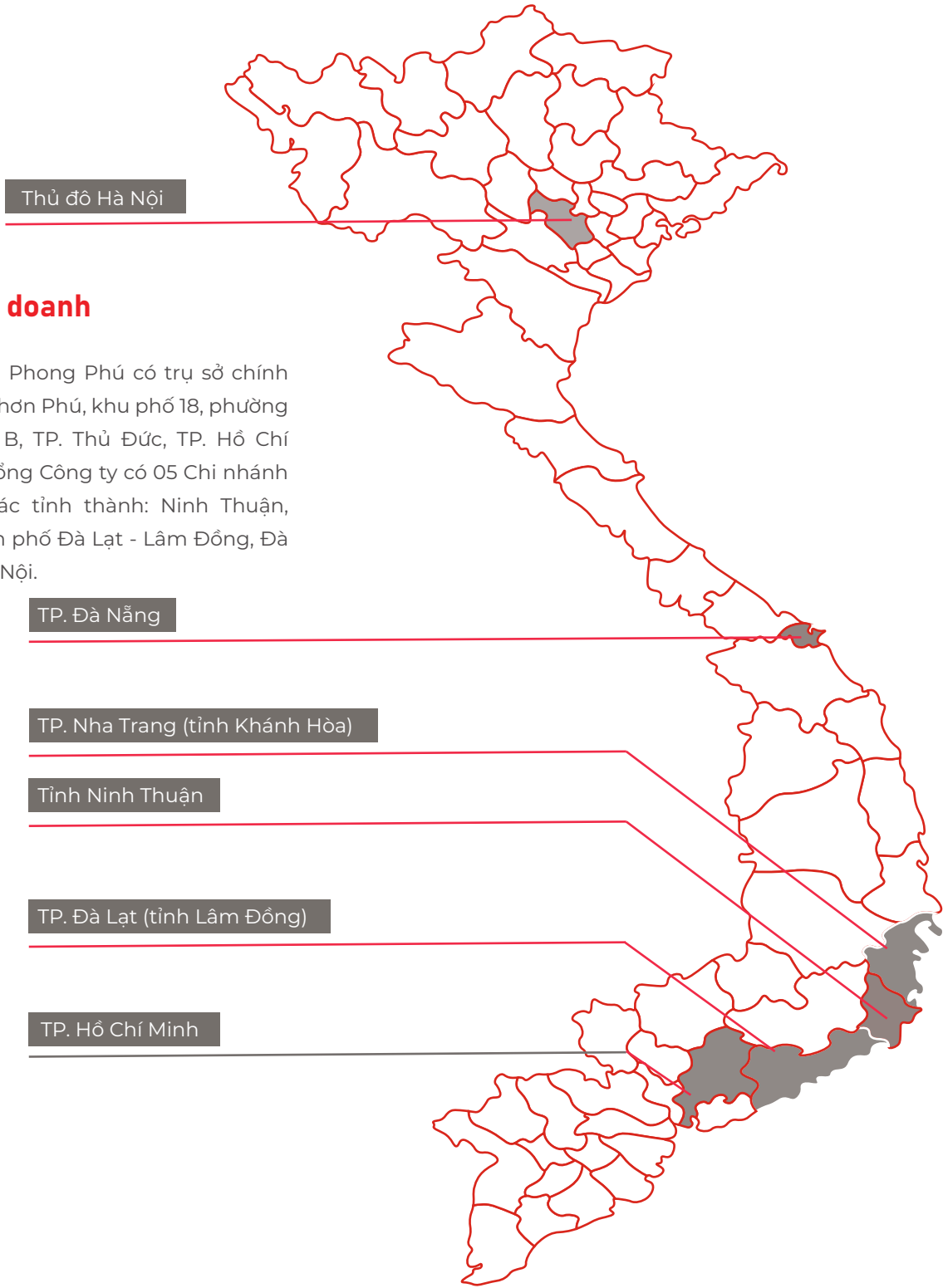


Hoạt động kinh doanh:

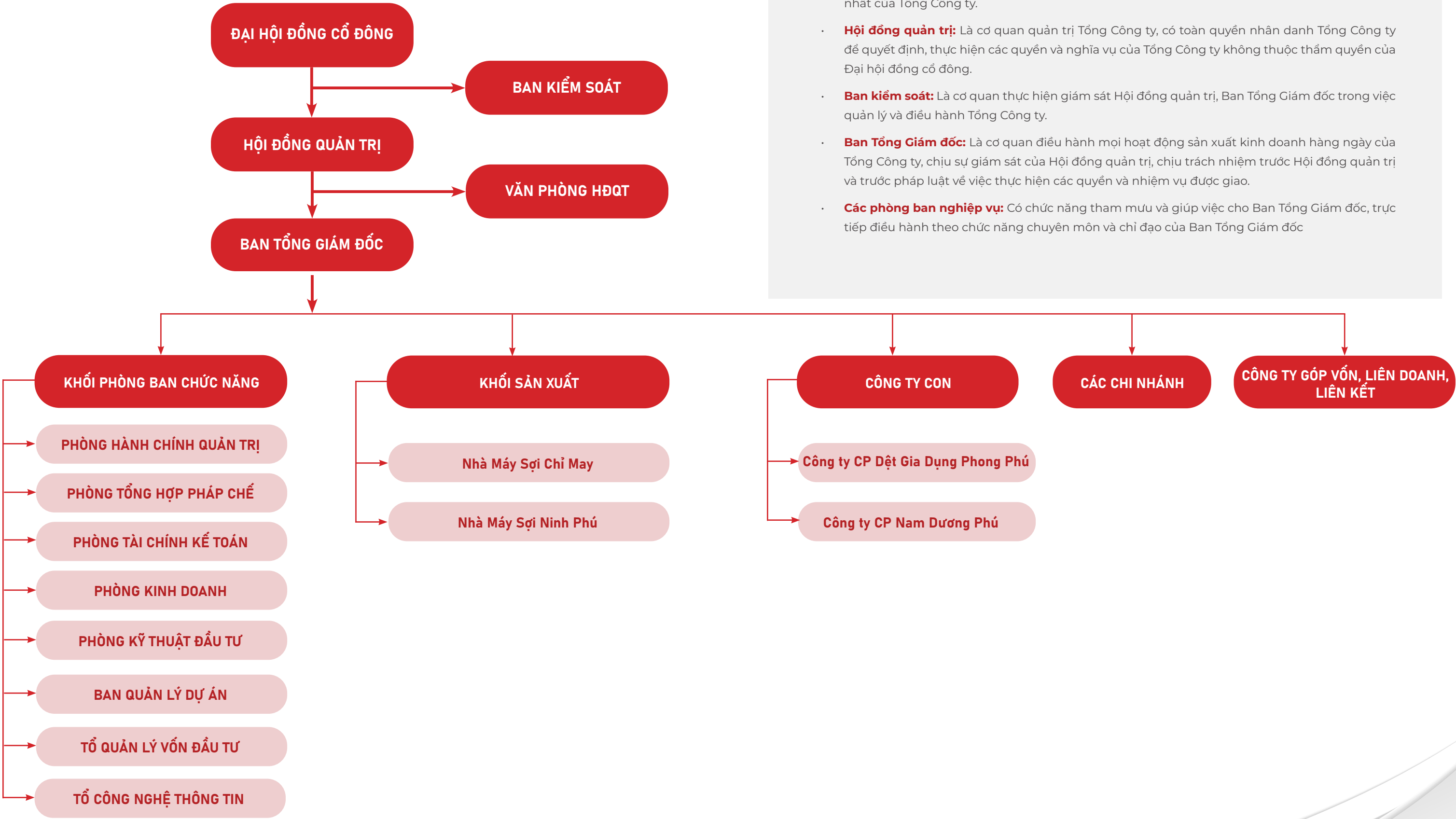
- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, quần áo, hàng may sẵn; Bao bì
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may.
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện)
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp; Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác và chế biến lâm sản
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh; Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở)
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà; Tư vấn, môi giới bất động sản
- Giáo dục mầm non, tiểu học
- Gia công cơ khí
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí
- Xử lý nước thải
- Hoạt động trang trí nội thất
- Quảng cáo
- Bán lẻ hàng may mặc
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)

Địa bàn kinh doanh

Tổng Công ty CP Phong Phú có trụ sở chính đặt tại 48 Tầng Nhơn Phú, khu phố 18, phường Tầng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Tổng Công ty có 05 Chi nhánh hoạt động tại các tỉnh thành: Ninh Thuận, Nha Trang, Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng, Đà Nẵng, Thủ đô Hà Nội.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,  
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty con



#### Công ty Cổ phần dệt Gia dụng Phong Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ thực góp: 144.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 90% VĐL thực góp



#### Công ty Cổ phần Nam Dương Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may

Vốn điều lệ thực góp: 17.360.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 81,08%VĐL thực góp



### Công ty liên doanh, liên kết



#### Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ thực góp: 120.370.240.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 35,99% VĐL thực góp

#### Công ty Cổ phần dệt may Nha Trang

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ thực góp: 235.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 23,89% VĐL thực góp

#### Công ty TNHH Coats Phong Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, mua bán xơ, sợi

Vốn điều lệ thực góp: 225.389.712.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 35,65% VĐL thực góp

#### Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức

Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vốn điều lệ thực góp: 303.479.411.966 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 47,64% VĐL thực góp

#### Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn

Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản.

Vốn điều lệ thực góp: 46.500.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 21,51% VĐL thực góp

#### Công ty Cổ phần may Đà Lạt

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt.

Vốn điều lệ thực góp: 10.577.500.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 40% VĐL thực góp



**Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

**Về sản xuất**

- Phát huy lợi thế và tiếp tục ổn định sản xuất đối với 02 chuỗi cung ứng Sợi Chỉ May và các Sản phẩm Gia Dụng
- Tối ưu hóa dây chuyền, nâng cao năng suất: Bảo trì máy móc định kỳ, nâng cấp thiết bị; Ứng dụng quản trị tinh gọn (lean production) giảm lãng phí; Đào tạo công nhân vận hành máy móc kỹ thuật cao.
- Xanh hóa – Tiết kiệm năng lượng: Sử dụng sợi tái chế, sợi hữu cơ hoặc sinh học; Đầu tư hệ thống nước tuần hoàn, tiết kiệm nước nhuộm; Duy trì đáp ứng các tiêu chuẩn xanh như OEKO-TEX, GOTS,...
- Đa dạng hóa sản phẩm: Sợi pha polyester, sợi màu, sợi siêu nhỏ; Khăn spa, khăn khách sạn, khăn trẻ em, quà tặng....



**Về thị trường**

- Tiếp tục phát huy thế mạnh và liên tục phát triển, mở rộng thị trường đối với 02 chuỗi cung ứng Sợi Chỉ May và Sản phẩm Gia Dụng.
- Tập trung khai thác và giữ vững thị trường mục tiêu sẵn có, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm chiến lược xuyên suốt. Tăng cường phát triển các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường ở những quốc gia tham gia các Hiệp định thương mại với Việt Nam.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm, xây dựng hệ thống, chuỗi hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của chuỗi cung ứng.

**Về nhân sự**

- Xây dựng đội ngũ nhân sự mạnh mẽ, đoàn kết và gắn bó lâu dài với công ty.
- Xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh, kiện toàn bộ máy nhân sự, quan tâm phát triển đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp.

**Về kinh doanh**

- Xây dựng và phát triển thương hiệu: Xây dựng website chuyên nghiệp; Tham gia các hội chợ, triển lãm ngành dệt may;
- Tập trung khách hàng mục tiêu:
  - » Nội địa: Trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, spa, bệnh viện, trường học.
  - » Quốc tế: Nhật, EU, Hàn Quốc, Nga, Mỹ....
- Đa dạng kênh bán hàng:
  - » Bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử như Tiktok Shop, Shopee, Lazada.
  - » Xây dựng các chương trình marketing bán hàng theo mùa vụ.



**Dự phòng & Linh hoạt**

- Chủ động dự trữ nguyên liệu khi giá nguyên liệu bông/xơ/sợi biến động.
- Liên kết với nhà máy vệ tinh để mở rộng khi có đơn hàng lớn.
- Theo dõi cập nhật xu hướng tiêu dùng để phát triển cải tiến sản phẩm

**Các mục tiêu phát triển bền vững**

Xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay đang nhận được sự quan tâm trên toàn thế giới, trong đó có Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực dệt may. Với bề dày lịch sử 60 năm (1964-2024), Phong Phú đã không ngừng phát triển và lớn mạnh, trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín và chất lượng sản phẩm hàng đầu trên thị trường. Phong Phú luôn hướng đến xu hướng phát triển sản xuất xanh, thân thiện với môi trường ở mức độ cao. Điều này được thể hiện qua việc Phong Phú đã đầu tư mạnh mẽ vào các công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường. Cụ thể, Phong Phú đã áp dụng các công nghệ tiên tiến như: xử lý nước thải, tái chế nước thải phục vụ sản xuất, thu hồi nhiệt thải ... nhằm giảm chất thải ra môi trường.

Việc áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến đã giúp Phong Phú giảm thiểu đáng kể lượng chất thải ra môi trường, góp phần bảo vệ môi trường, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Ngoài những vấn đề kinh doanh, môi trường, thì Phong Phú luôn chú ý đến chế độ lương thưởng, thù lao và chính sách xã hội để cải thiện đời sống vật chất của người lao động. Phong Phú đã xây dựng một hệ thống lương thưởng, thù lao và chính sách xã hội tương xứng với năng lực và đóng góp của người lao động. Điều này đã giúp người lao động có được cuộc sống ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Ngoài ra Phong Phú còn đề cao tinh thần và tính đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên thông qua các hoạt động các hoạt động đoàn thể và hoạt động xã hội. Phong Phú đã tổ chức nhiều hoạt động đoàn thể và hoạt động xã hội nhằm gắn kết các thành viên trong công ty, tạo ra một môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện.



## CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

### Rủi ro kinh tế

Ở thời điểm cuối năm, dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu từ các tổ chức quốc tế có sự ổn định hoặc điều chỉnh tăng nhẹ. Cụ thể, các tổ chức như OECD, IMF và EU đều dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%. Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 2,8%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Liên Hợp Quốc nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 2,7% trong năm 2024. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới năm 2024 diễn biến phức tạp và khó lường, với nhiều yếu tố tác động như xung đột leo thang ở nhiều khu vực, biến động mạnh của giá xăng dầu và cước vận tải, sự phục hồi chậm của kinh tế và thương mại toàn cầu, cùng với những diễn biến phức tạp của thiên tai, biến đổi khí hậu và an ninh năng lượng.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động, kinh tế Việt Nam năm 2024 vẫn duy trì xu hướng tích cực, với GDP tăng 7,09% so với năm trước, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Các quý trong năm đều có mức tăng trưởng dương. Động lực tăng trưởng của Việt Nam bao gồm đẩy mạnh sản xuất trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường trong nước, tăng cường đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp.

Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam ước đạt 44 tỷ USD, tăng 11,26% so với năm 2023, hoàn thành mục tiêu đề ra. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu chủ lực, mang về 16,71 tỷ USD, tăng 12,33% so với năm 2023 và chiếm 37,98% tổng giá trị xuất khẩu. Các thị trường lớn khác như Nhật Bản, EU, Hàn Quốc, Trung Quốc và ASEAN cũng đóng góp quan trọng. Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam cũng đối diện với nhiều rủi ro và thách thức, bao gồm thương mại toàn cầu suy giảm ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu, lạm phát kéo dài ở các thị trường chủ lực làm giảm sức mua, và các yếu tố bất ổn khác. Các doanh nghiệp dệt may trong nước phải đối diện với tình trạng giảm lợi nhuận. Ngành dệt may được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với các vấn đề như đơn hàng xuất khẩu giảm, chuỗi cung ứng rủi ro, chi phí đầu vào và nghĩa vụ trả nợ còn cao. Mặc dù vậy, dự báo cho năm 2025, toàn ngành dệt may đặt mục tiêu đạt kim ngạch xuất khẩu khoảng 47 - 48 tỷ USD.

Bên cạnh đó, vào ngày 02/04/2025, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã công bố mức thuế nhập khẩu mới, áp dụng mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang Mỹ. Quyết định này tạo ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong các ngành xuất khẩu chủ lực như dệt may, trong đó có Phong Phú. Để chủ động ứng phó và giảm thiểu tác động của các rủi ro này trong năm tới, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tập trung vào các hành động nhằm đa dạng hóa thị trường và đối tác, nâng cao năng lực cạnh tranh, cũng như tăng cường quản trị chuỗi cung ứng.

### Rủi ro pháp luật

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú hoạt động theo hình thức công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, đồng thời là công ty đại chúng quy mô lớn đang đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom). Do đó, bên cạnh việc tuân thủ các luật chung như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật kế toán, Luật thuế, Bộ Luật Lao động, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán được dự kiến sẽ tiếp tục chứng kiến những thay đổi quan trọng, khi các cơ quan quản lý đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện khung pháp lý, đặc biệt là Luật Chứng khoán và các nghị định hướng dẫn.

Để chủ động ứng phó với những thay đổi của pháp luật, Công ty đặc biệt chú trọng cập nhật thường xuyên các quy định pháp lý, đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh đều tuân thủ theo các quy định mới nhất. Công ty tiến hành rà soát định kỳ các quy trình, chính sách và hoạt động nội bộ, kịp thời điều chỉnh những điểm không còn phù hợp, nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Điều này không chỉ giúp Công ty linh hoạt thích ứng với các thay đổi pháp lý, mà còn góp phần nâng cao uy tín và củng cố niềm tin từ các đối tác và các bên liên quan.



## CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

### Rủi ro nguyên vật liệu

Rủi ro nguyên vật liệu hiện đang trở thành một trong những thách thức lớn nhất mà ngành dệt may phải đối mặt. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu khắt khe về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, yêu cầu các nhà sản xuất phải đảm bảo rằng nguyên liệu từ sợi đến vải đều phải đáp ứng tiêu chuẩn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang phụ thuộc vào việc nhập khẩu một lượng lớn xơ sợi và vải, chủ yếu từ Trung Quốc, dẫn đến tình trạng lệ thuộc và tiềm ẩn nhiều rủi ro về nguồn cung. Ngoài ra, ngành dệt may còn phải đối mặt với những biến động giá nguyên liệu, bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như giá xăng dầu và cước vận tải. Đặc biệt, sự giảm sút của đơn giá xuất khẩu xơ, sợi trung bình cũng tạo ra áp lực lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã nhận diện rõ những thách thức từ rủi ro nguyên vật liệu, bao gồm sự phụ thuộc vào nhập khẩu, sự biến động giá cả và áp lực từ đơn giá. Để chủ động ứng phó với những thách thức này, trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tập trung vào việc đa dạng hóa nguồn cung, đầu tư vào công nghệ sản xuất, quản trị rủi ro và phát triển chuỗi cung ứng bền vững.

### Rủi ro bán hàng

Về các yếu tố tích cực, ngành dệt may Việt Nam vẫn duy trì được tăng trưởng xuất khẩu khá tốt trong năm 2024 và có dự báo lạc quan cho năm 2025. Ngành cũng chủ động đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đối tượng khách hàng và sản phẩm, giúp giảm sự phụ thuộc vào một thị trường hoặc nhóm hàng cụ thể. Các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) có hiệu lực cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Kết quả kinh doanh của nhiều doanh nghiệp dệt may trong quý III/2024 cũng cho thấy sự tăng trưởng tích cực.

Tuy nhiên, ngành cũng đối mặt với không ít rủi ro. Các doanh nghiệp hiện gặp khó khăn trong việc tiếp cận các đơn hàng lớn, chủ yếu phải nhận các đơn hàng nhỏ với yêu cầu cao về chất lượng và thời gian giao hàng. Tính ổn định của đơn hàng là một vấn đề đáng lo ngại, do các nhãn hàng có thể thay đổi quyết định một cách nhanh chóng. Đơn giá xuất khẩu có xu hướng giảm, gây áp lực lên lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, ngành còn chịu tác động từ các yếu tố vĩ mô như tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, giá xăng dầu và cước vận tải tăng cao.

Hiện nay, ngành dệt may Việt Nam đang ở trong tình thế vừa có cơ hội tăng trưởng, vừa phải đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro trong hoạt động bán hàng. Để duy trì đà tăng trưởng và phát triển bền vững, quản trị rủi ro hiệu quả là yếu tố then chốt, đòi hỏi các doanh nghiệp phải chủ động ứng phó, linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh và tăng cường năng lực cạnh tranh.

### Rủi ro khác

Thiên tai, đại dịch hay các yếu tố về thiên nhiên luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro đến mọi ngành nghề kinh doanh, trực tiếp làm giảm khả năng sản xuất và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Đặc biệt, Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may, ngành có nhiều vật dụng dễ cháy càng phải tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra, cần tập huấn cán bộ công - nhân viên trong doanh nghiệp các biện pháp phòng cháy nổ, tránh để tổn thất về người và của. Thực hiện mua bảo hiểm thiên tai cũng là điều Tổng công ty cần lưu ý khi hoạt động để phòng ngừa rủi ro và phục hồi sau thiệt hại.



# 02

## Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình kinh tế thế giới



Tình hình kinh tế thế giới năm 2024 diễn biến phức tạp và khó lường, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tiêu cực:

- Xung đột leo thang ở nhiều khu vực.
- Giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh.
- Kinh tế thương mại phục hồi chậm, tổng đầu tư toàn cầu sụt giảm.
- Thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng diễn biến phức tạp.

Tình hình kinh tế trong nước



Kinh tế Việt Nam năm 2024 cho thấy sự tăng trưởng tích cực trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động:

- Tốc độ tăng GDP năm 2024 đạt 7,09% so với năm trước.
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước.
- Xuất khẩu tăng 14,3%, nhập khẩu tăng 16,7%.
- Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2024 đạt khoảng 44 tỷ USD, tăng 11,26% so với năm 2023.

Tại Phong Phú



Tổng Công ty đã cho thấy khả năng thích ứng và nỗ lực vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế, duy trì được đà tăng trưởng và đạt được những kết quả kinh doanh tích cực. Cụ thể, trong khi năm 2024 chứng kiến nhiều thách thức lớn đối với cả kinh tế thế giới và trong nước, Tổng Công ty đã thể hiện được bản lĩnh và sự linh hoạt trong hoạt động. Các ưu thế vẫn được phát huy:

- Sản xuất và Thị trường: Phong Phú có năng lực sản xuất chuyên biệt (nhà cung cấp sợi chỉ may cho Coats toàn cầu) và thị trường đa dạng (trong nước qua các kênh bán lẻ lớn và xuất khẩu quốc tế).
- Nguồn lực: Công ty có đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, gắn bó và tâm huyết.
- Định hướng: Phong Phú nhận được sự đồng thuận cao từ cổ đông và nhà đầu tư đối với chiến lược phát triển.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Trước những khó khăn “bất định” của thị trường, Tổng Công ty CP Phong Phú đã có nhiều giải pháp đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, tự động hóa các dây chuyền sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ giao hàng nhanh, chất lượng sản phẩm cao.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu             | TH năm 2023 | KH năm 2024 | TH năm 2024 | %TH năm 2024/<br>KH năm 2024 | %TH năm 2024/<br>năm 2023 |
|----------------------|-------------|-------------|-------------|------------------------------|---------------------------|
| Doanh thu            | 2.113,06    | 2.600,00    | 2.642,13    | 101,62%                      | 125,04%                   |
| Chi phí              | 1.793,32    | 2.270,00    | 2.258,11    | 99,48%                       | 125,92%                   |
| Lợi nhuận trước thuế | 319,73      | 330,00      | 384,02      | 116,37%                      | 120,11%                   |
| Lợi nhuận sau thuế   | 316,74      | 324,00      | 380,54      | 117,45%                      | 120,14%                   |



Cơ cấu doanh thu (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| STT       | Nội dung                                  | TH năm 2023 | TH năm 2024 | TH năm 2024/<br>năm 2023 |
|-----------|-------------------------------------------|-------------|-------------|--------------------------|
| 1         | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ    | 1.754,52    | 2.238,05    | 127,56%                  |
| 2         | Các khoản giảm trừ doanh thu              | 5,14        | 5,38        | 104,58%                  |
| 3         | Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 320,27      | 352,01      | 109,91%                  |
| 4         | Doanh thu hoạt động tài chính             | 43,28       | 48,55       | 112,17%                  |
| 5         | Doanh thu khác                            | 0,12        | 8,90        | 7124,69%                 |
| Tổng cộng |                                           | 2.113,05    | 2.642,14    | 125,04%                  |



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT           | Chức vụ                                 | SL Cổ phiếu sở hữu |       |            |       |
|-----|---------------------------|-----------------------------------------|--------------------|-------|------------|-------|
|     |                           |                                         | Cá nhân            |       | Đại diện   |       |
|     |                           |                                         | Số lượng           | Tỷ lệ | Số lượng   | Tỷ lệ |
| 1   | Ông Trần Quang Nghị       | Chủ tịch (Thành viên Không điều hành)   | 200.000            | 0,27% | 18.667.723 | 25%   |
| 2   | Ông Dương Khuê            | Thành viên                              | 166.494            | 0.22% | 11.273.984 | 15,1% |
| 3   | Ông Phạm Phú Chung        | Thành viên                              | 29.619             | 0,04% | 7.467.089  | 10%   |
| 4   | Bà Phạm Minh Hương        | Thành viên (Thành viên không điều hành) | 962.227            | 1,29% | -          | -     |
| 5   | Bà Trương Thị Ngọc Phượng | Thành viên                              | 89.665             | 0,12% | -          | -     |

Ngày 16/05/2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Bùi Thị Thu do hết nhiệm kỳ, đồng thời bổ nhiệm Bà Trương Thị Ngọc Phượng là Thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ mới.



Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



Ông Trần Quang Nghị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Thời gian công tác:** Ông Trần Quang Nghị bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1980. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng vào hành trình phát triển của Tổng Công ty CP Phong Phú. Ông tham gia HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT liên tục từ năm 2009 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Coats Phong Phú và Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú.



Ông Dương Khuê

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Thời gian công tác:** Ông Dương Khuê bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1990. Ông tham gia HĐQT Phong Phú từ tháng 8/2020 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú từ tháng 10/2020 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nam Dương Phú, thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú

**Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)**



**Ông Phạm Phú Chung**

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Thời gian công tác:** Ông Phạm Phú Chung bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1992. Ông tham gia HĐQT Phong Phú từ tháng 6/2022 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phong Phú từ ngày 7/10/2022 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt Đông Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.



**Bà Trương Thị Ngọc Phượng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Thời gian công tác:** Bà Trương Thị Ngọc Phượng có thời gian làm việc tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1996. Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú ngày 15/07/2022 và tham gia HĐQT Phong Phú nhiệm kỳ 2024-2029 từ ngày 16/5/2024 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Giám đốc điều hành Tổng công ty CP Phong Phú; Thành viên HĐQT Công ty CP Quốc Tế Phong Phú; Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nam Dương Phú và tham gia Ban Kiểm soát tại một số Công ty liên kết của Phong Phú.



**Bà Phạm Minh Hương**

Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Tài chính.

**Thời gian công tác:** Bà Phạm Minh Hương có thời gian gắn bó với Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2001. Bà tham gia HĐQT Phong Phú từ năm 2013 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú



Danh sách Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS       | Chức vụ        | SL Cổ phiếu sở hữu |        |          |       |
|-----|----------------------|----------------|--------------------|--------|----------|-------|
|     |                      |                | Cá nhân            |        | Đại diện |       |
|     |                      |                | Số lượng           | Tỷ lệ  | Số lượng | Tỷ lệ |
| 1   | Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ  | Trưởng BKS     | 41.327             | 0,06%  | -        | -     |
| 2   | Bà Vũ Thị Thùy Dương | Thành viên BKS | 3.000              | 0,004% | -        | -     |
| 3   | Ông Lê Hồng Lĩnh     | Thành viên BKS | -                  | -      | -        | -     |

Ngày 16/05/2024, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát cho Bà Trần Liên Hữu do hết nhiệm kỳ, đồng thời bổ nhiệm Ông Lê Hồng Lĩnh là Thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ mới.

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Trưởng ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh thực nghiệm (EMBA), cử nhân tài chính ngân hàng, Chứng chỉ quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.

**Thời gian công tác:** Bà Lệ đã gắn bó với Phong Phú từ năm 1997, tham gia Ban Kiểm soát và được tín nhiệm bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2019 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú.



Bà Vũ Thị Thùy Dương

Thành viên ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế.

**Thời gian công tác:** Bà Vũ Thị Thùy Dương tham gia Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2011 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Phó Chánh VP HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Việt Thắng, Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú.



Ông Lê Hồng Lĩnh

Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân tài chính kế toán

**Thời gian công tác:** Ông Lê Hồng Lĩnh tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 của Tổng Công ty CP Phong Phú từ ngày 16/5/2024 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty CP Phong Phú.

Danh sách Ban điều hành

| STT | Thành viên BDH            | Chức vụ                             | SL Cổ phiếu sở hữu |        |            |       |
|-----|---------------------------|-------------------------------------|--------------------|--------|------------|-------|
|     |                           |                                     | Cá nhân            |        | Đại diện   |       |
|     |                           |                                     | Số lượng           | Tỷ lệ  | Số lượng   | Tỷ lệ |
| 1   | Ông Dương Khuê            | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc      | 166.494            | 0.22%  | 11.273.984 | 15,1% |
| 2   | Ông Phạm Phú Chung        | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc  | 29.619             | 0,04%  | 7.467.089  | 10%   |
| 3   | Bà Trương Thị Ngọc Phượng | Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành | 89.665             | 0,12%  | -          | -     |
| 4   | Bà Lê Thị Hoàng Trang     | Phó Tổng Giám đốc                   | 25.410             | 0,03%  | -          | -     |
| 5   | Ông Lý Anh Tài            | Phó Tổng Giám đốc                   | 62.507             | 0,08%  | -          | -     |
| 6   | Ông Nguyễn Văn Nhiệm      | Giám đốc điều hành                  | 70.000             | 0,09%  | -          | -     |
| 7   | Ông Đoàn Kiên             | Giám đốc điều hành                  | -                  | -      | -          | -     |
| 8   | Bà Lê Thị Tú Anh          | Kế toán trưởng                      | 4.300              | 0,005% | -          | -     |

Trong năm 2024, Tổng Công ty không có sự thay đổi trong Ban Điều hành



Lý lịch thành viên Ban điều hành

Ông Dương Khuê

Vui lòng xem ở Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Phạm Phú Chung

Vui lòng xem ở Lý lịch Hội đồng quản trị

Bà Trương Thị Ngọc Phượng

Vui lòng xem ở Lý lịch Hội đồng quản trị



Bà Lê Thị Hoàng Trang

Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:** cử nhân Luật, chứng chỉ đào tạo về giám đốc nhân sự, giám đốc điều hành

**Thời gian công tác:** Bà Lê Thị Hoàng Trang có thời gian công tác tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1995 đến nay. Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú ngày 15/07/2022.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.



Ông Lý Anh Tài

Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:** Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh

**Thời gian công tác:** Ông Lý Anh Tài có thời gian công tác tại Phong Phú từ năm 1996 đến nay. Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phong Phú ngày 07/10/2022.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Tổng Giám đốc Công ty CP Nam Dương Phú, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.

### Lý lịch thành viên Ban điều hành (tiếp theo)



#### Ông Nguyễn Văn Nhiệm

Giám đốc điều hành

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Thời gian công tác:** Ông Nguyễn Văn Nhiệm có thời gian công tác tại Phong Phú từ tháng 10/1989 đến nay. Ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2015.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Chủ tịch HĐQT Công ty CP Gia Dụng Phong Phú, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú.



#### Bà Lê Thị Tú Anh

Kế toán trưởng

**Trình độ chuyên môn:** Cử Nhân Kinh Tế - Tài chính; Chứng chỉ Kế toán trưởng; Chứng chỉ hành nghề kế toán (APC).

**Thời gian công tác:** Bà Lê Thị Tú Anh có thời gian công tác tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2009 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Kế toán Trưởng Tổng Công ty CP Phong Phú, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dệt Đông Nam.



#### Ông Đoàn Kiên

Giám đốc điều hành

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt - May, Kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa Hà Nội.

**Thời gian công tác:** Ông Đoàn Kiên có thời gian công tác tại Phong Phú từ năm 2005 và các đơn vị trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành Phong Phú từ tháng 4/2021 đến nay.

**Chức vụ đang nắm giữ hiện tại:** Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt Đông Nam, Thành viên HĐQT Công Ty CP Phát Triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức, Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Phát Triển Đô Thị Dệt May Nam Định, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú.



Số lượng cán bộ, công nhân viên

| STT       | Tiêu chí                                   | Năm 2023         |              | Năm 2024         |              |
|-----------|--------------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|           |                                            | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| I         | Theo trình độ lao động                     | 684              | 100%         | 584              | 100%         |
| 1         | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 83               | 12,13%       | 80               | 13,70%       |
| 2         | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 63               | 16,52%       | 81               | 13,87%       |
| 3         | Công nhân kỹ thuật                         | 125              | 18,27%       | 169              | 28,94%       |
| 4         | Lao động phổ thông                         | 413              | 60,38%       | 254              | 43,49%       |
| II        | Theo giới tính                             | 684              | 100%         | 584              | 100%         |
| 1         | Nam                                        | 440              | 64,33%       | 338              | 57,88%       |
| 2         | Nữ                                         | 244              | 35,67%       | 246              | 42,12%       |
| III       | Theo thời hạn HĐLĐ                         | 684              | 100%         | 584              | 100%         |
| 1         | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm               | 1                | 0,15%        | -                | -            |
| 2         | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm           | 340              | 49,71%       | 221              | 37,84%       |
| 3         | Hợp đồng không xác định thời hạn           | 343              | 50,15%       | 363              | 62,16%       |
| Tổng cộng |                                            | 684              | 100%         | 584              | 100%         |

Thu nhập bình quân người lao động

| STT | Chỉ tiêu                                 | Năm 2023   | Năm 2024   |
|-----|------------------------------------------|------------|------------|
| 1   | Số người lao động                        | 684        | 584        |
| 2   | Mức lương bình quân (đồng/ người/ tháng) | 11.260.000 | 12.220.000 |

Chính sách đối với người lao động

Đãi ngộ và phúc lợi

Tổng Công ty Phong Phú xây dựng chế độ đãi ngộ cạnh tranh để ghi nhận và khen thưởng xứng đáng cho những đóng góp của người lao động. Ngoài mức lương hấp dẫn, Phong Phú còn cung cấp các khoản thưởng hiệu quả công việc, các chương trình phúc lợi toàn diện (bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, nghỉ phép...), các hoạt động gắn kết nhân viên và các cơ hội thăng tiến rõ ràng. Tổng Công ty mong muốn người lao động cảm thấy được trân trọng, được quan tâm và có động lực để gắn bó, phát triển sự nghiệp tại công ty. Để đảm bảo quyền lợi và phúc lợi tốt nhất cho người lao động, Phong Phú trang bị gói bảo hiểm sức khỏe cho 100% CBCNV, giúp họ an tâm làm việc và chăm sóc bản thân, gia đình. Đồng thời, Tổng Công ty không ngừng cải thiện các gói đãi ngộ, phúc lợi, đảm bảo tính cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực.

Tuyển dụng

Phong Phú tạo dựng hình ảnh là một nhà tuyển dụng uy tín, thu hút nhân tài bằng các chính sách minh bạch, công bằng và cơ hội phát triển nghề nghiệp hấp dẫn. Tổng Công ty tìm kiếm những ứng viên có năng lực chuyên môn cao, có tinh thần làm việc tích cực, phù hợp với văn hóa doanh nghiệp và sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển chung. Để thu hút những ứng viên giỏi nhất, Phong Phú tập trung xây dựng chính sách tuyển dụng cạnh tranh, tạo điều kiện phát triển sự nghiệp rõ ràng và môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động.

Phát triển nguồn nhân lực

Tổng Công ty luôn chú ý đến chất lượng và tay nghề của người lao động. Thông qua các lớp đào tạo, Tổng Công ty tổ chức bồi dưỡng cho người lao động nâng cao tay nghề, hướng dẫn sử dụng vận hành các loại máy móc thiết bị công nghệ mới để phục vụ cho hoạt động sản xuất của Tổng Công ty.

Môi trường làm việc

Phong Phú tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, an toàn và thân thiện. Tổng Công ty đề cao sự tôn trọng, hợp tác và giao tiếp cởi mở giữa các thành viên. Phong Phú chú trọng đến sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống, hỗ trợ nhân viên phát triển toàn diện. Phong Phú cũng quan tâm đến sức khỏe, tinh thần và sự gắn kết của người lao động, tạo điều kiện để họ làm việc hiệu quả, sáng tạo và hạnh phúc. Để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động, Phong Phú tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, xây dựng một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, công bằng và hiệu quả.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2024, Tổng Công ty đã đầu tư tăng năng lực sản xuất, xây dựng cải tạo nhà xưởng và thay thế máy móc thiết bị cho ngành sợi với tổng chi phí hơn 70,1 tỷ đồng; Đầu tư dây chuyền sản xuất sợi OE với chi phí hơn 39,3 tỷ đồng.

Tình hình tài chính tại Công ty con, Công ty liên kết

(Xem trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2023 | Năm 2024 | % năm 2024/ năm 2023 |
|-----------------------------------|----------|----------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 3.538,78 | 3.579,05 | 101,14%              |
| Doanh thu thuần                   | 1.749,38 | 2.232,68 | 127,63%              |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 324,68   | 379,63   | 116,93%              |
| Lợi nhuận khác                    | (4,94)   | 4,39     | (88,84%)             |
| Lợi nhuận trước thuế              | 319,73   | 384,02   | 120,11%              |
| Lợi nhuận sau thuế                | 316,74   | 380,54   | 120,14%              |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 30%      | (*)      | -                    |

(\*) Sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.



Chỉ tiêu tài chính (Hợp nhất)

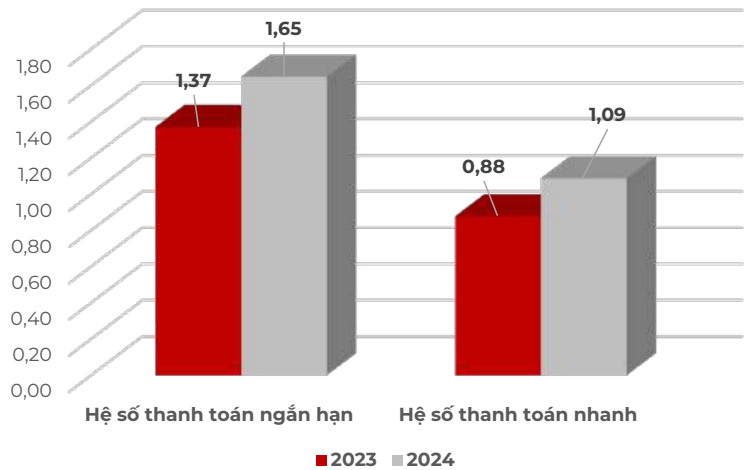
| Chỉ tiêu                               | Đơn vị | Năm 2023 | Năm 2024 |
|----------------------------------------|--------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |        |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn              | Lần    | 1,37     | 1,65     |
| Hệ số thanh toán nhanh                 | Lần    | 0,88     | 1,09     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |        |          |          |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                  | %      | 51,01%   | 47,36%   |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                | %      | 104,14%  | 89,97%   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>  |        |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                 | Vòng   | 3,42     | 3,01     |
| Vòng quay tổng tài sản                 | Vòng   | 0,50     | 0,63     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>   |        |          |          |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần     | %      | 18,11%   | 17,04%   |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu      | %      | 18,27%   | 20,20%   |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản        | %      | 8,95%    | 10,63%   |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần      | %      | 18,56%   | 17,00%   |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu tài chính (tiếp theo)

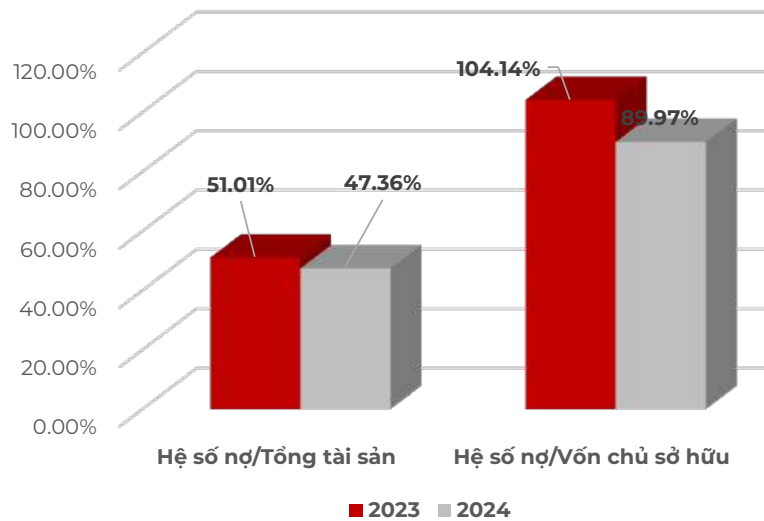
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2024, Tổng công ty đã ghi nhận sự cải thiện đáng kể về khả năng thanh toán. Cả hệ số thanh toán ngắn hạn (tăng từ 1,37 lên 1,65 lần) và hệ số thanh toán nhanh (tăng từ 0,88 lên 1,09 lần) đều cho thấy sự gia tăng rõ rệt so với năm 2023. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ sự gia tăng mạnh mẽ của Tài sản ngắn hạn, đặc biệt là các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và các khoản tương đương tiền, cũng như đầu tư tài chính ngắn hạn. Điều này phản ánh năng lực tài chính mạnh mẽ hơn của Tổng công ty.



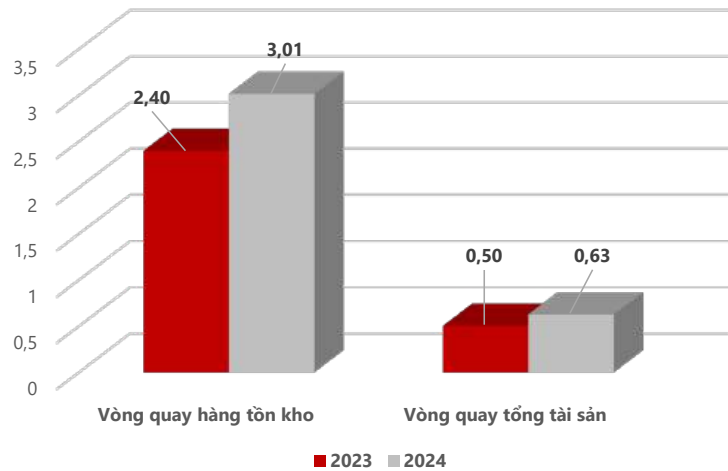
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2024, Tổng công ty đã ghi nhận sự cải thiện đáng kể về cơ cấu vốn, nhờ vào sự suy giảm đáng kể trong Nợ phải trả, bao gồm các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước và vay nợ ngắn hạn. Cụ thể, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản giảm từ 51,01% năm 2023 xuống còn 47,36%, và tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 104,14% năm 2023 xuống còn 89,97%. Những thay đổi này phản ánh nỗ lực tối ưu hóa nguồn vốn, giảm sự phụ thuộc vào nợ vay và tăng cường tính tự chủ tài chính của Tổng công ty.



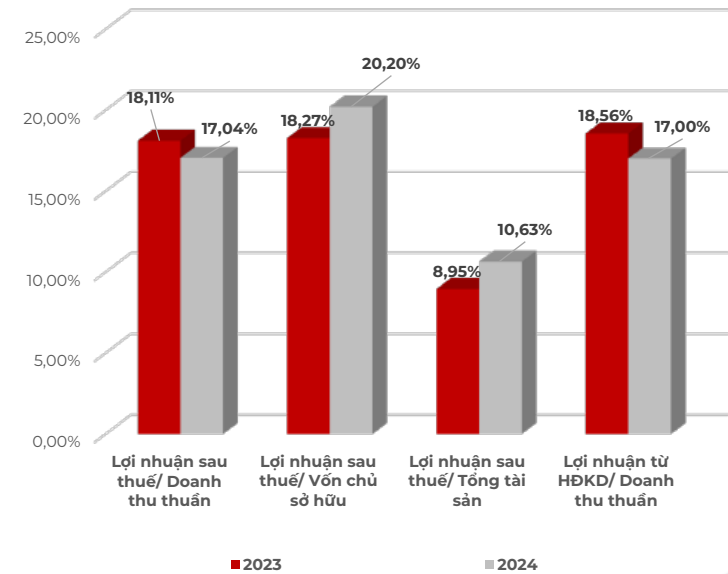
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2024, Tổng công ty đã ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng trong hiệu quả hoạt động kinh doanh. Vòng quay hàng tồn kho đạt 3,01 vòng năm 2024. Đồng thời, vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 0,50 vòng lên 0,63 vòng, cho thấy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng tăng trưởng tốt. Những kết quả tích cực này là minh chứng cho sự tối ưu hóa quy trình hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, và sự quản trị hiệu quả của ban lãnh đạo trong năm vừa qua.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

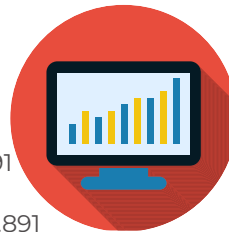
Năm 2024, tình hình tài chính của Tổng công ty phản ánh sự biến động trong khả năng sinh lời. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần ghi nhận mức giảm nhẹ, từ 18,11% xuống 17,04%, song vẫn duy trì ở mức tương đối khả quan. Trái lại, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và tài sản lại cho thấy sự thay đổi đáng kể. Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng từ 18,27% lên 20,20%, và lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản tăng từ 8,95% lên 10,63%, minh chứng cho việc Tổng công ty đã tối ưu hóa được nguồn lực và vốn đầu tư. Kết quả này cho thấy sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2024.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

Mã chứng khoán **PPH** của Tổng Công ty CP Phong Phú chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM vào năm 2017.

**Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 74.670.891



## Cơ cấu cổ đông

| STT                             | Đối tượng                   | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông |         |
|---------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------|------------------|----------------|---------|
|                                 |                             |                   |                      |                  | Tổ chức        | Cá nhân |
| I                               | Cổ đông nhà nước            | -                 | -                    | -                | -              | -       |
| II                              | Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên) | 51.037.193        | 68,35%               | 3                | 3              | -       |
| 1                               | Trong nước                  | 51.037.193        | 68,35%               | 3                | 3              | -       |
| 2                               | Nước ngoài                  | -                 | -                    | -                | -              | -       |
| III                             | Công đoàn công ty           | 627.680           | 0,84%                | 1                | 1              | -       |
| IV                              | Cổ đông khác                | 23.006.018        | 30,8%                | 2.082            | 11             | 2.071   |
| 1                               | Trong nước                  | 23.006.018        | 30,8%                | 2.077            | 11             | 2.066   |
| 2                               | Nước ngoài                  | 18.750            | 0,03%                | 5                | -              | 5       |
| V                               | Cổ phiếu quỹ                | -                 | -                    | -                | -              | -       |
| Tổng cộng (I + II + III + IV+V) |                             | 74.670.891        | 100%                 | 2.086            | 15             | 2.071   |
| Trong đó: - Trong nước          |                             | 74.652.141        | 99,97%               | 2.081            | 15             | 2.066   |
| - Nước ngoài                    |                             | 18.750            | 0,03%                | 5                | -              | 05      |

Trong năm 2024 vừa qua, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động tăng vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ của Tổng Công ty hiện ở mức 746.708.910.000 đồng.

Không phát sinh trong năm 2024

Không phát sinh trong năm 2024



(Tại ngày 31/12/2024)

| STT       | Họ và tên                                      | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-----------|------------------------------------------------|-------------------|----------------------|
| 1         | Tập đoàn Dệt May Việt Nam                      | 37.408.796        | 50,10%               |
| 2         | Công ty CP Thương mại và đầu tư BĐS Dương Trần | 7.172.326         | 9,61%                |
| 3         | Công ty CP Phát triển đầu tư An Tâm            | 6.456.071         | 8,65%                |
| TỔNG CỘNG |                                                | 51.037.193        | 68,35%               |

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG  
LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tác động lên môi trường

Dệt may là ngành công nghiệp sử dụng nhiều nguồn lực, bao gồm sức lao động, năng lượng và nguyên vật liệu đầu vào. Trong năm 2025, Tổng Công ty đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả và bền vững. Về sử dụng nguyên vật liệu, Tổng Công ty đã ưu tiên sử dụng các nguồn nguyên liệu đến từ tự nhiên, thân thiện với môi trường. Trong đó, bông cotton và xơ Polyester là hai nguyên liệu chính được sử dụng. Các sản phẩm dệt may được sản xuất từ các nguyên liệu này không chỉ đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng mà còn thân thiện với môi trường, dễ dàng phân hủy trong tự nhiên. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã ký kết thỏa thuận hợp tác về việc phát triển điện mặt trời áp mái trên các nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ninh Thuận. Đây là một bước đi quan trọng trong việc phát triển năng lượng tái tạo, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường. Những nỗ lực của Tổng Công ty trong việc sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả và bền vững đã góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường và bảo vệ môi trường. Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, Tổng Công ty cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu và giảm thiểu tác động đến môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

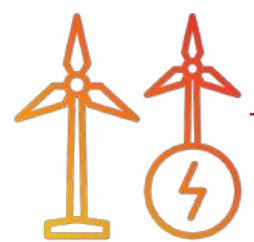
| Stt            | Hạng mục                   | ĐVT  | Tổng số lượng | Số lượng tái sử dụng | Số lượng vật liệu tái chế | % Tái sử dụng | Chi chú                                                |
|----------------|----------------------------|------|---------------|----------------------|---------------------------|---------------|--------------------------------------------------------|
| I Vật liệu     |                            |      |               |                      |                           |               |                                                        |
| 1              | Bao PP sợi gia công ngoài  | Cái  | 29.190        | 28.900               | -                         | 99,01%        | Tái sử dụng bao PP sợi đơn gia công ngoài của NT & HTL |
| 2              | Thùng carton               | Cái  | 13.485        | -                    | -                         | 0,00%         |                                                        |
| 3              | Tấm lót thùng TK           | Tấm  | 14.611        | 8.767                | -                         | 60,00%        | Tái sử dụng tấm lót thùng sợi thùng thế kỷ (Century)   |
| 4              | Tấm lót 13 lớp             | Tấm  | 200.935       | 114.987              | -                         | 57,23%        |                                                        |
| 5              | Tem sợi                    | Cái  | 5.860.600     | -                    | -                         | 0,00%         |                                                        |
| 6              | Bao xốp                    | Kg   | 10.456        | -                    | -                         | 0,00%         |                                                        |
| 7              | Cone giấy                  | Cái  | -             | -                    | -                         | -             |                                                        |
| 8              | Cone nhựa                  | Cái  | 68.300        | 67.617               | -                         | 99,00%        | 21 Lượt sử dụng/Năm                                    |
| 9              | Đai nẹp thùng              | Kg   | 800           | -                    | -                         | 0,00%         |                                                        |
| 10             | Dây nylon                  | Kg   | -             | -                    | -                         | -             |                                                        |
| 11             | Lõi nhựa nhuộm sợi         | Cái  | 5.860.600     | -                    | -                         | 0,00%         |                                                        |
| 12             | Màng PE 500 mm 16 kg/ cuộn | Cuộn | 2.129         | -                    | -                         | 0,00%         |                                                        |
| II Nguyên liệu |                            |      |               |                      |                           |               |                                                        |
| 1              | Xơ Polyester               | Kg   | 2.299.311     | 11.631               | -                         | 0,51%         | Xơ Polyester                                           |
| 2              | Sợi Filament               | Kg   | 1.939.351     | -                    | -                         | 0,00%         | Sợi Filament                                           |

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất

- Đã sử dụng năng lượng tái tạo với tổng công suất 7MWp, trong đó tại khu vực Thủ Đức là 6MWp và Ninh Thuận là 1MWp.
- NM Nhuộm Ninh Thuận đã tái sử dụng nguồn nước thải tỉ lệ 15%-20% bình quân đạt 15.000 – 16.000 m³/tháng
- Trên 80% sợi CM sản xuất từ nguyên liệu Recycle sản lượng đạt 3.737 tấn/năm

**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG  
LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)**

**Tiêu thụ năng lượng**



**Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

Ngành dệt may là ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, đặc biệt là năng lượng điện. Theo ước tính, trung bình mỗi năm ngành công nghiệp dệt may Việt Nam tiêu thụ khoảng 391 tỷ kWh điện, chiếm khoảng 10% tổng lượng điện tiêu thụ toàn ngành công nghiệp. Để khắc phục tình trạng hao phí điện năng, Tổng Công ty CP Phong Phú và Công ty TNHH Coro Renewables Việt Nam (Coro Renewables Việt Nam) đã ký kết thỏa thuận hợp tác về việc phát triển điện mặt trời áp mái trên các nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ninh Thuận. Theo thỏa thuận, dự án có công suất 2,884 kwp, với sản lượng điện được sản xuất hàng năm dự kiến khoảng 4,2 triệu kWh/năm. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí sử dụng điện, làm tăng biên lợi nhuận của Tổng Công ty mà còn giúp giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng thương hiệu “xanh”, giảm nguy cơ thiếu điện ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, sản xuất. Việc sử dụng các loại đèn chiếu sáng sử dụng ít năng lượng nhưng lại mang hiệu quả chiếu sáng vừa đủ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng góp phần tiết kiệm năng lượng điện cho Tổng Công ty.

**Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả**

- Lượng điện sử dụng - qui đổi (Kwh): 7,083.258 Kwh, tiết kiệm 12% so với 2023.
- Xăng (tấn): 31 tấn giảm 3% so với năm 2023
- Năng lượng mặt trời (Kwh): Năm 2024 sử dụng 4,433,228 Kwh, tăng 35% so với 2023, với công suất sử dụng năng lượng mặt trời - năng lượng sạch tăng đã góp phần giảm phát thải khí nhà kính ra môi trường, tiết kiệm chi phí sử dụng điện năng.

**Tiêu thụ nước**



**Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng**

Việc sử dụng một lượng lớn nước trong sản xuất sợi, chỉ may và khăn bông là một đặc thù của ngành dệt may. Đối với Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, đã tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh. Chủ động kiểm tra hệ thống nước thường xuyên nhằm khắc phục tình trạng rò rỉ nước, qua đó hạn chế được nguồn nước thất thoát. Tổng Công ty cũng đã lắp đặt các thiết bị vòi xịt thông minh nhằm có thể kiểm soát lượng nước được sử dụng.

**Giải pháp tiết giảm chi phí xử lý nước thải**

- Lắp đặt các bộ lọc rác tinh để giảm bùn cát.
- Chuyển sang hoạt động theo chu kỳ để giảm chi phí điện năng trong những giờ lưu lượng nước thải giảm. Cải tiến công nghệ
- Tự động hóa hệ thống thổi khí, điều chỉnh lượng oxy cần thiết, tăng hiệu quả xử lý.
- Lắp đặt hệ thống quan trắc online để theo dõi chất lượng nước thải, giảm hóa chất xử lý cần dùng

**Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng**

Khoảng: 36.000 m<sup>3</sup>; chiếm tỉ lệ khoảng 10%/lượng nước sạch tiêu thụ

**BẢO CÁO TÁC ĐỘNG  
LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)**

**Chính sách liên quan đến người lao động**

**Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

- Về tiền lương: căn cứ vào thị trường tiền lương, từng bước xây dựng hoàn thiện chính sách thu nhập và phúc lợi phù hợp cho người lao động dựa vào năng lực và hiệu quả công việc cho từng cá nhân, từng vị trí công việc, để đẩy mạnh tinh thần phát huy năng lực cá nhân, đóng góp vào sự phát triển của Tổng Công ty. Năm 2024 đã thực hiện điều chỉnh tăng thu nhập cho người lao động đạt khoảng 7%.
- Về chế độ, phúc lợi: đề xuất tham gia bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV với mục tiêu nâng cao giá trị tinh thần, quan tâm chăm lo đời sống cho CBCNV để tạo điều kiện, môi trường làm việc, gắn kết người lao động làm việc lâu dài ở Tổng Công ty.



**Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Người lao động được trang bị đủ đồ bảo hộ lao động, môi trường làm việc an toàn đáp ứng đúng các quy định về an toàn vệ sinh lao động.
- Tổng Công ty chăm lo bữa ăn giữa ca cho người lao động đầy đủ dinh dưỡng, đối với lao động nặng nhọc độc hại có chính sách bồi dưỡng riêng.
- Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động. Có bố trí Trạm Y tế cơ quan tại Tổng Công ty CP Phong Phú để thường xuyên theo dõi chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

**Hoạt động đào tạo người lao động**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 16h/tháng
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Bồi dưỡng Tổ trưởng tổ sản xuất, nghiệp vụ đấu thầu, kỹ năng lập báo cáo...
- Thực hiện tốt các chế độ chính sách của nhà nước, quy định của pháp luật đối với người lao động. Căn cứ vào thị trường tiền lương, tiếp tục xây dựng hoàn thiện chính sách thu nhập và phúc lợi cho người lao động dựa vào năng lực và hiệu quả đóng góp, để linh hoạt cho từng cá nhân, từng vị trí công việc. Bảo đảm việc làm, nguồn thu nhập ổn định và không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Tổng Công ty quan niệm rằng một doanh nghiệp lớn mạnh thì không chỉ mang lại lợi ích tối đa cho các Cổ đông mà còn phải thể hiện giá trị tốt đẹp của mình đối với các cộng đồng địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Trong năm 2024, Tổng Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động xã hội, từ thiện hướng đến xây dựng hình ảnh, thương hiệu Phong Phú thân thiện trong cộng đồng như:

- Nhân sự kiện chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Tổng Công ty (1964-2024), Tổng Công ty đã ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” Thành phố Thủ Đức và phường Tăng Nhơn Phú B với số tiền 1,2 tỷ đồng.
- Vận động đoàn viên, NLĐ đóng góp Quỹ “Xã hội từ thiện” năm 2024 do Tập đoàn - Công đoàn Dệt May Việt Nam phát động, với tổng số tiền đóng góp là 51.896.000 đồng; đóng góp hỗ trợ đồng bào các khu vực phía Bắc bị thiệt hại nặng nề do bão Yagi, tổng số tiền đóng góp là 255.880.000 đồng; ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã hỗ trợ 06 tấn khăn bông các loại cho đồng bào các vùng bị ảnh hưởng nặng nề do bão Yagi, tương đương 792 triệu đồng.



Ông Dương Khuê - Tổng Giám Đốc Tổng Công ty CP Phong Phú trao tặng Quỹ “Vì người nghèo” TP. Thủ Đức và Phường Tăng Nhơn Phú B



Lễ trao học bổng tiếp sức đến trường lần thứ 6 năm 2024

- Tiếp tục thực hiện chương trình trao học bổng “Tiếp sức đến trường” năm 2024, tổ chức trao 14 suất học bổng (gồm 08 suất mức 5.000.000 đ/suất và 06 suất mức 3.000.000đ/suất) cho các cháu là con công nhân có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn nhưng vẫn vượt khó, đạt thành tích học tập xuất sắc năm học 2023-2024. Tặng 02 tủ sách cho trẻ em vùng Tây nguyên, số tiền 15 triệu đồng.



Ngày hội hiến máu nhân đạo năm 2024

# 03

## Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính (hợp nhất)

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trước những khó khăn “bất định” của thị trường, Tổng Công ty CP Phong Phú đã có nhiều giải pháp đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, tự động hóa các dây chuyền sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ giao hàng nhanh, chất lượng sản phẩm cao.

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Stt | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | % so với KH năm 2024 |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 2.600             | 2.642              | 102%                 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 330               | 384                | 116%                 |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 324               | 381                | 117%                 |

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

| Stt | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | % so với KH năm 2024 |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 1.850             | 1.973              | 107%                 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 295               | 349                | 118%                 |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 295               | 349                | 118%                 |



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Để đạt được kết quả kinh doanh nêu trên, trong năm 2024, Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Tổng Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động để củng cố nội lực của Tổng Công ty, chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển trong thời gian tới, cụ thể:

### Về đầu tư phát triển

- Bổ sung thiết bị nhằm tăng năng lực sản xuất cho ngành sợi từ 100 tấn/tháng lên 130 tấn/tháng; Đầu tư mới máy móc thiết bị cho Ninh Phú nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất cùng lúc 3 nguồn nguyên liệu.

### Các chương trình cho mục tiêu giảm chi phí 2025

- Thực hiện thử nghiệm thay thế động cơ thể hệ cũ bằng động cơ đồng bộ (một số thiết bị tại Ninh Phú) hướng tới mục tiêu tiết giảm điện tiêu thụ 10%/định mức.
- Tiếp tục hoàn thiện cải tạo buồng điều không AC2 vận hành tự động nhằm giảm tiêu thụ điện 6%/định mức.
- Lắp đặt bộ dò đứt sợi pinter và ngắt thô trên máy kéo sợi Rieter. Bước đầu đánh giá tỉ lệ hao phí nguyên liệu tại sợi con giảm từ 0,91% còn 0,6%.

### Về quản lý sản xuất và phát triển mẫu mã:

- Đã thực hiện 54 đề tài giảm chi phí sản xuất 2,06%.
- Chất lượng đạt 98,52% đã cải thiện đáng kể so với năm 2023 là 98,36%.
- Đáp ứng yêu cầu về đa dạng mẫu mã, tháng cao điểm lên khoảng 130 mẫu/tháng, hơn 950 mẫu/năm 2024, đồng thời đáp ứng thời gian sản xuất đơn hàng ngắn ngày 2 – 3 tuần.

### Về nhân sự - đào tạo

- Quy hoạch cán bộ, đào tạo đội ngũ kế thừa, trẻ hóa đội ngũ toàn hệ thống, đặc biệt là tăng cường nhân sự Kinh doanh, kỹ sư thiết kế, kỹ sư hóa nhuộm;
- Tổ chức sắp xếp bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn, phát huy tối đa năng lực chuyên môn theo hướng chuyên môn hóa theo đúng chức năng – nhiệm vụ; Thành lập mới Phòng Hành Chính Quản Trị và phòng Tổng Hợp Pháp Chế trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Phòng Hành Chính Tổng Hợp; bổ nhiệm 05 cán bộ quản lý cấp trung (cấp trưởng, phó, trợ lý phòng ban); Thành lập mới Văn Phòng HĐQT nhằm giúp việc cho HĐQT trong việc giám sát thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT và các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Xây dựng/hiệu chỉnh/hoàn thiện/bổ sung khung năng lực của 94 vị trí công việc (trong đó sản xuất: 46 vị trí; phòng ban: 48 vị trí) và 128 mô tả công việc (trong đó sản xuất: 67 vị trí; phòng ban: 61 vị trí). Số hóa dữ liệu nhân sự lưu trữ trên phần mềm gồm thông tin cá nhân, quá trình công tác, quá trình đào tạo, năng lương ....
- Tổ chức các khóa đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại nguồn. Cử một số cán bộ tham gia chương trình đào tạo nội bộ do Tập đoàn tổ chức dành gồm các chuyên đề: quản lý dự án đầu tư, pháp chế, tài chính kế toán; Cử một số CB.CNV tham gia các chương trình đào tạo tập huấn nâng cao kiến thức nghiệp vụ chuyên môn bên ngoài: như nghiệp vụ đấu thầu theo quy định mới, luật BHXH cập nhật bổ sung năm 2024, các chính sách chế độ tiền lương năm 2024; Phối hợp với trường Đại học Dệt May Hà Nội tổ chức khóa đào tạo kỹ năng quản lý và kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý nhà máy từ tổ trưởng sản xuất trở lên.

### Về tiền lương

- Căn cứ vào thị trường tiền lương, tiếp tục xây dựng hoàn thiện chính sách thu nhập và phúc lợi phù hợp cho người lao động dựa vào năng lực và hiệu quả công việc cho từng cá nhân, từng vị trí công việc, để đẩy mạnh tinh thần phát huy năng lực cá nhân, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Năm 2024 đã thực hiện điều chỉnh tăng thu nhập cho người lao động đạt khoảng 7%.

### Về chế độ, phúc lợi

- Đề xuất tham gia bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV với mục tiêu nâng cao giá trị tinh thần, quan tâm chăm lo đời sống cho CBCNV để tạo điều kiện, môi trường làm việc, gắn kết người lao động làm việc lâu dài ở Công ty.

### Về số hóa dữ liệu

- Hoàn tất công tác kết nối thu thập số liệu điện tiêu thụ từ các chi nhánh nhánh về hệ thống số liệu tập trung, giảm công tác thủ công và giúp kiểm soát, theo dõi nhanh chóng.

### Về quản trị

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ trong toàn Tổng Công ty từ các Phòng Ban chức năng đến các Nhà máy sản xuất để tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của đơn vị được tuân thủ chặt chẽ
- Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động xã hội, từ thiện hướng đến xây dựng hình ảnh, thương hiệu Phong Phú thân thiện trong cộng đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

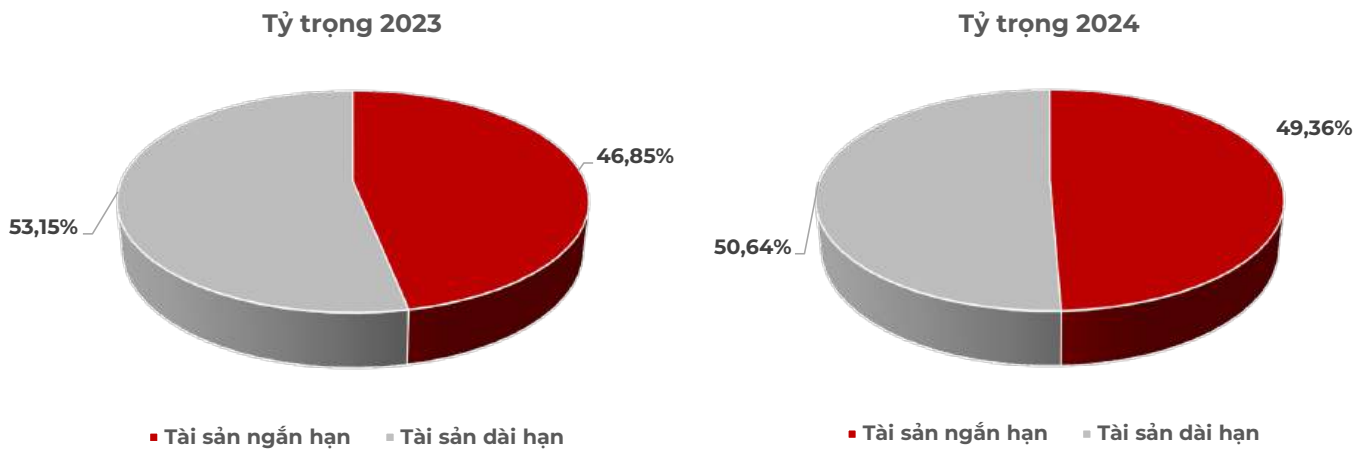
Tình hình tài sản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | Năm 2023 |          | Năm 2024 |          | Tăng/Giảm |         |
|------------------|----------|----------|----------|----------|-----------|---------|
|                  | Giá trị  | Tỷ trọng | Giá trị  | Tỷ trọng | Giá trị   | Tỷ lệ   |
| Tài sản ngắn hạn | 1.657,80 | 46,85%   | 1.766,59 | 49,36%   | 108,79    | 6,56%   |
| Tài sản dài hạn  | 1.880,98 | 53,15%   | 1.812,47 | 50,64%   | (68,51)   | (3,64%) |
| Tổng tài sản     | 3.538,78 | 100,00%  | 3.579,05 | 100,00%  | 40,27     | 1,14%   |

Năm 2024, Tổng công ty ghi nhận tổng tài sản đạt 3.579,05 tỷ đồng, tăng 40,27 tỷ đồng so với năm 2023. Tài sản ngắn hạn tăng trưởng nổi bật, đạt 1.766,59 tỷ đồng, tăng 108,79 tỷ đồng so với năm 2023, chiếm 49,36% tổng tài sản. Điều này phản ánh khả năng thanh khoản dồi dào và hiệu quả hoạt động kinh doanh ngắn hạn được tối ưu hóa, đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động hàng ngày.

Tài sản dài hạn ghi nhận giảm nhẹ 68,51 tỷ đồng so với năm 2023, còn 1.812,47 tỷ đồng, chiếm 50,64% tổng tài sản. Sự điều chỉnh này chủ yếu do khấu hao tài sản cố định trong kỳ. Với cơ cấu tài sản dịch chuyển sang tài sản ngắn hạn này, Tổng công ty đang ưu tiên tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường thanh khoản và tập trung vào các hoạt động có khả năng sinh lời nhanh trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.



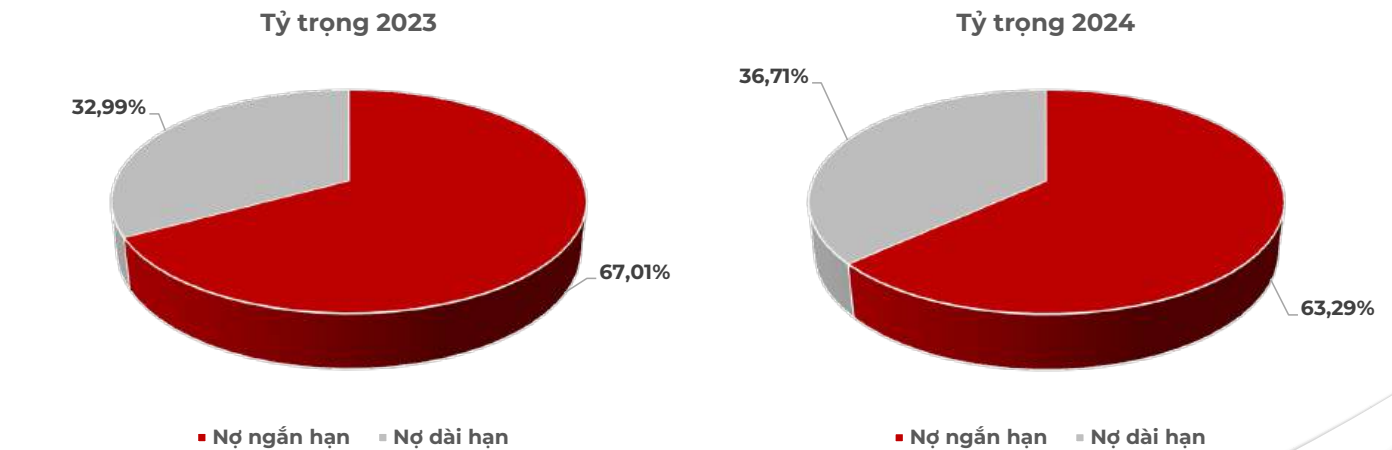
Tình hình nợ phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | Năm 2023 |          | Năm 2024 |          | Tăng/Giảm |         |
|------------------|----------|----------|----------|----------|-----------|---------|
|                  | Giá trị  | Tỷ trọng | Giá trị  | Tỷ trọng | Giá trị   | Tỷ lệ   |
| Nợ ngắn hạn      | 1.209,79 | 67,01%   | 1.072,86 | 63,29%   | (136,93)  | -11,32% |
| Nợ dài hạn       | 595,48   | 32,99%   | 622,18   | 36,71%   | 26,70     | 4,48%   |
| Tổng nợ phải trả | 1.805,27 | 100,00%  | 1.695,03 | 100,00%  | (110,23)  | -6,11%  |

Năm 2024, nợ ngắn hạn của Tổng công ty ghi nhận sự giảm mạnh so với năm 2023. Cụ thể, nợ ngắn hạn giảm 136,93 tỷ đồng, tương ứng giảm 11,32%, xuống còn 1.072,86 tỷ đồng. Tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm từ 67,01% năm 2023 xuống còn 63,29% năm 2024. Điều này phản ánh hiệu quả trong việc quản lý và giảm thiểu áp lực tài chính ngắn hạn, đồng thời tối ưu hóa cơ cấu vốn của Tổng công ty.

So với năm 2023, nợ dài hạn của Tổng công ty tăng nhẹ trong năm 2024, đạt mức 622,18 tỷ đồng, tăng 26,70 tỷ đồng, tương ứng tăng 4,48%. Tỷ trọng nợ dài hạn tăng từ 32,99% năm 2023 lên 36,71% năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khoản vay tài chính dài hạn và phải trả dài hạn. Tuy nhiên, mức tăng này không đáng kể và không ảnh hưởng đến dòng tiền cũng như khả năng thanh toán của Tổng công ty. Việc điều chỉnh cơ cấu nợ thể hiện sự cân bằng giữa nhu cầu vốn ngắn hạn và dài hạn, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Tổng Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với các ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Tổng Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Nhận định về nền kinh tế

Về tổng thể, năm 2025 dự kiến có nhiều thách thức cho bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam. Việc thực hiện các chính sách kinh tế phù hợp và tận dụng hiệu quả các cơ hội từ bối cảnh quốc tế sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu phát triển đề ra.

### Các yếu tố thế giới

Theo các tổ chức quốc tế, thương mại toàn cầu năm 2025 có mức độ bất ổn cao, khó đoán. Sự bất ổn này phần lớn là do những nguyên nhân sau:

- Căng thẳng địa chính trị gia tăng khiến chi phí logistics tăng đột biến. Các cuộc xung đột ở Trung Đông và Ukraine có thể tồi tệ hơn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quốc gia nhập khẩu hàng hóa, sức mua sẽ thay đổi, nguyên liệu đầu vào sẽ biến động.
- Việc áp dụng các chính sách thuế quan mới từ các quốc gia có sức ảnh hưởng mạnh mẽ như Mỹ, Trung Quốc... dự kiến sẽ cản trở đến hoạt động thương mại.

Năm 2025 cũng là năm sẽ đánh dấu bước tiến vượt bậc của AI (trí tuệ nhân tạo), khi công nghệ này không còn là khái niệm xa vời mà đã thâm nhập sâu vào mọi khía cạnh của đời sống. Các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) thế hệ mới có khả năng xử lý và phân tích dữ liệu phức tạp, mở ra những ứng dụng đột phá trong y tế, giáo dục và sản xuất.

Xu hướng làm việc từ xa tiếp tục định hình thị trường lao động, trong khi một số chính sách “phi toàn cầu hóa” của một số quốc gia làm giảm tốc độ tăng trưởng thương mại, khiến chuỗi cung ứng được tái cấu trúc để thích nghi với các biến động toàn cầu.

### Các yếu tố trong nước

- Quốc hội Việt Nam đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP ít nhất 8% cho năm 2025, tăng so với mục tiêu trước đó là 6,5% đến 7%.
- Dự báo từ các tổ chức tài chính: hầu hết các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB, OECD và IMF đều dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2025 ở mức từ 6,1%-6,6%. Trong nước, kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, tuy nhiên sẽ phải đối mặt với những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen.
- Thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam:
  - » Chi phí sản xuất và lao động: chi phí lao động ngày càng tăng và khó tuyển dụng, biến động lãi suất và tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh.
  - » Yêu cầu chuyển đổi xanh: Xu hướng toàn cầu về sản xuất bền vững và giảm phát thải đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ thân thiện với môi trường. Để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như ESG và chứng nhận xanh, quá trình này đòi hỏi nguồn vốn lớn và khả năng quản lý.
  - » Thay đổi trong hành vi của khách hàng: Các nhãn hàng quốc tế ngày càng yêu cầu cao về chất lượng, tốc độ giao hàng, và trách nhiệm của nhà cung cấp đối với sản phẩm.
  - » Áp lực về giá và đơn hàng nhỏ lẻ: Giá đơn hàng xuất khẩu tiếp tục giảm trong khi phần lớn doanh nghiệp phải chấp nhận các đơn hàng nhỏ lẻ với yêu cầu cao về thời gian và chất lượng, làm giảm biên lợi nhuận.
- Kinh tế số, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo được xác định là động lực tăng trưởng mới, là nền tảng cho tăng năng suất, hiệu quả của nền kinh tế. Phát triển công nghiệp bán dẫn là mục tiêu chiến lược, không chỉ là động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp khác như thương mại điện tử, chế biến chế tạo, logistics, mà còn là yếu tố nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam.
- Cơ hội mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và thu hút đầu tư khi Việt Nam tham gia tích cực vào các hiệp định thương mại tự do (FTA).

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (TIẾP THEO)

### Dự báo tác động đối với ngành dệt may

#### Cơ hội

- Việt Nam có thể tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do và vị trí địa lý chiến lược để thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghệ cao. Sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu cũng mang lại cơ hội cho Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất quan trọng trong khu vực.
- Chuyển đổi số và phát triển bền vững: Việc áp dụng công nghệ và hướng tới sản xuất bền vững giúp doanh nghiệp nâng cao giá trị sản phẩm và đáp ứng xu hướng tiêu dùng xanh trên thế giới.

#### Thách thức

- Biến động thương mại và chính sách tiền tệ: Năm 2025 được dự báo là năm tiếp tục khó khăn đối với ngành dệt may Việt Nam, trước hàng loạt thách thức đến từ những biến động về chính sách thương mại, lạm phát và chính sách tiền tệ.
- Ngày 02/4/2025, Tổng thống Mỹ Donald Trump ban hành chính sách thuế quan mới, trong đó Việt Nam chịu mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, quyết định này sẽ gây nên tác động quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành dệt may nói riêng, do đó cần phải liên tục theo dõi để có đối sách phù hợp.
- Điều kiện làm việc và thu nhập của lao động: việc cải thiện môi trường làm việc và chế độ đãi ngộ là yếu tố quan trọng để giữ chân lao động và nâng cao năng suất.



### Các giải pháp thực hiện

#### Với ngành Sợi

- Mở rộng kết nối đồng bộ các máy móc thiết bị, giám sát hoạt động tức thời, truy xuất dữ liệu, đầu tư bổ sung và nâng cấp các trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ có tính năng tự động hóa (bộ cấp suốt tự động, bộ dò đứt sợi, bộ ngắt thô...).
- Thử nghiệm và ứng dụng sử dụng động cơ đồng bộ có công suất tiêu thụ lớn trên các thiết bị nhằm tăng khả năng tiết kiệm điện khoảng 8-10%.
- Tìm kiếm, đàm phán trực tiếp các nhà máy sản xuất phụ tùng chính hãng mục tiêu tiết giảm 5-10% đơn giá đã mua trước đó.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện thiết bị công nghệ của Tổng công ty, chuyển đổi 100% sử dụng nguyên liệu tái chế (recycle).
- Nghiên cứu tiên khả thi dự án đầu tư mở rộng và dịch chuyển sản xuất đến năm 2030.



#### Với ngành Gia Dụng

- Xuất khẩu: giữ vững thị trường truyền thống, đẩy mạnh phát triển chuỗi bán lẻ tại EU (Ikea, Action, JYSK, Vomar, Brunotti), Nhật (Aeon, Muji, Shimamura, Marushin). Riêng đối với thị trường Mỹ (Target), luôn bám sát diễn biến tình hình chung để có quyết định phù hợp nhất, đặc biệt là đánh giá ảnh hưởng từ thay đổi chính sách thuế của Mỹ vì đây là thị trường lớn và tiềm năng.
- Thị trường nội địa: Tiếp tục phát triển đa kênh nhằm phát triển, tăng trưởng lại cho thị trường nội địa: Siêu thị, chợ truyền thống, horeca, B2B, Thương mại điện tử. Đặc biệt chú trọng đẩy mạnh hoạt động marketing online (B2C và B2B).
- Sản xuất: đăng ký 36 đề tài sáng kiến cải tiến, dự kiến giảm chi phí chế biến 1,57%; xây dựng chương trình hành động giảm chi phí chế biến so với định mức 3% (tổng giá trị làm lợi dự kiến 14 tỷ đồng).
- Nhân sự: tiếp tục quy hoạch, đào tạo nhân sự kế thừa, chủ chốt, tuyển dụng các vị trí kỹ sư Sợi, Dệt, Nhuộm, Kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác R&D:
  - » Đầu tư ngân sách quan tâm cải tiến bộ phận làm mẫu nhanh, đa dạng đáp ứng công tác bán hàng hiệu quả;
  - » Nghiên cứu các dòng nguyên liệu mới, có tính năng khác biệt, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh.
  - » Nghiên cứu tối ưu quy trình công nghệ hoàn tất, đảm bảo chất lượng, giảm thời gian, giảm giá thành.
  - » Nghiên cứu xu hướng thị trường, nhu cầu khách hàng để định hướng phát triển sản phẩm.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (TIẾP THEO)

### Các giải pháp thực hiện (Tiếp theo)

#### Tham gia kinh tế tuần hoàn kinh tế xanh – phát triển bền vững

- Về Sử dụng năng lượng tái tạo
  - » Đã sử dụng điện solar từ nguồn điện áp mái nhà tại các phân xưởng may, nhuộm và nhà xe.
  - » Dự kiến trong quý 1/2025 đầu tư điện áp mái tại Phân xưởng se sợi.
  - » Các nhà xưởng dự kiến xây dựng trong tương lai sẽ thiết kế kết cấu nhà xưởng đảm bảo để lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời áp mái.
- Đầu tư: dây chuyền xé sợi phế thu hồi từ các công đoạn sản xuất sợi, dệt để tái dùng làm nguyên liệu tuần hoàn, giảm phát thải phế liệu sản xuất tạo ra dòng sợi Recycle Post - Consumer cho các sản phẩm khăn của các chuỗi cung ứng Châu Âu như IKEA.
- Trồng cây xanh và tiến đến xin chứng chỉ CARBON: Năm 2025, Tổng Công ty hoàn thành trồng khoảng 500 cây xanh (dự kiến cây Tràm, Dầu và cây Hoàng Nam) trong khuôn viên Tổng Công ty. Số lượng cây trồng sẽ tăng dần đến năm 2030 để đạt mục tiêu thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, xây dựng không gian làm việc xanh mát, thân thiện giúp nâng cao hình ảnh thương hiệu.

#### Trồng cây xanh và tiến đến xin chứng chỉ CARBON

Trong năm 2025, kế hoạch hoàn thành trồng khoảng 500 cây xanh (dự kiến cây Tràm, Dầu và cây Hoàng Nam) trong khuôn viên Tổng Công ty. Số lượng cây trồng sẽ tăng dần đến năm 2030 để đạt mục tiêu thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, xây dựng không gian làm việc xanh mát, thân thiện giúp nâng cao hình ảnh thương hiệu Phong Phú.

#### Về thị trường

- Tập trung khai thác và giữ vững thị trường mục tiêu sẵn có, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm chiến lược xuyên suốt. Tăng cường phát triển các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường ở những quốc gia tham gia các Hiệp định thương mại với Việt Nam.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm, xây dựng hệ thống, chuỗi hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của chuỗi cung ứng.

#### Về tài chính

- Duy trì và tiếp tục cải thiện chỉ số Z score tại Tổng Công ty mẹ trên 4,0 và Công ty Gia Dụng trên 2,8.
- Cân đối và sử dụng nguồn vốn vay VND và USD với lãi suất thấp, lưu chuyển dòng tiền linh hoạt để tối ưu chi phí lãi vay.
- Tiếp tục xúc tiến tìm đối tác thoái vốn các khoản đầu tư ngoài ngành theo Nghị Quyết ĐHCĐ năm 2024, sớm thu hồi vốn và tập trung đầu tư vào lĩnh vực ngành nghề mục tiêu cốt lõi.

#### Về nhân sự

- Tiếp tục đào tạo bổ sung kiến thức quản lý cho 100% cán bộ quản lý cấp trung theo danh sách quy hoạch.
- Xem xét tăng phúc lợi cho NLD bằng hình thức mua bảo hiểm sức khỏe cho NLD khoảng 1,5 triệu đồng/người/năm khi khám chữa bệnh, nằm viện, nghỉ thai sản.
- Thử nghiệm và ứng dụng sử dụng động cơ đồng bộ có công suất tiêu thụ lớn trên các thiết bị nhằm tăng khả năng tiết kiệm điện khoảng 8-10%.

#### Về đầu tư mới và hợp tác phát triển

- Nghiên cứu đầu tư sản xuất mặt hàng mới như chăn drap.
- Với ngành Sợi:
  - » Tiếp tục đầu tư chiều sâu để tăng năng lực sản xuất sợi tại Thủ Đức với chi phí khoảng 29 tỷ đồng.
  - » Đầu tư tự động hóa (bộ cấp suốt tự động, bộ dò đứt sợi, bộ ngắt thô) với chi phí khoảng 7,5 tỷ đồng;
  - » Đầu tư mở rộng tăng năng lực sản xuất sợi, dự kiến chi phí khoảng 32,8 tỷ đồng;
- Với ngành Gia Dụng: Tiếp tục đầu tư bổ sung, thay thế thiết bị tăng năng lực sản xuất khăn khu vực Ninh Thuận và Thủ Đức với tổng giá trị gần 100 tỷ đồng. Gồm:
  - » Đầu tư thay thế máy nối, máy vắt, máy cắt ngang tự động, máy so màu tại Thủ Đức.
  - » Đầu tư tự động hóa: tại phân xưởng may Ninh Thuận (máy cắt, máy may, máy dán thùng).
  - » Trang bị, cải tạo cơ sở hạ tầng, thiết bị thí nghiệm...

#### Quản trị hệ thống thông tin

Xu hướng chuyển đổi số hiện nay đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong bối cảnh AI và công nghệ tự động hóa ngày càng phổ biến. Một số giải pháp cụ thể:

- AI và tự động hóa thông minh: Ứng dụng AI vào phân tích dữ liệu, chăm sóc khách hàng (chatbot, tổng đài ảo)....;
- Điện toán đám mây & Hybrid Cloud: tối ưu chi phí, nâng cao bảo mật và khả năng mở rộng thị trường mục tiêu.
- Đồng bộ số hóa dữ liệu quản lý vào quản trị toàn Tổng Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin bằng việc đầu tư thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến có giá trị bảo mật cao.
- Sử dụng các phần mềm quản trị tiên tiến, rút ngắn thời gian, báo cáo kịp thời cho các cơ quan hữu quan và công tác công bố thông tin theo yêu cầu.



**BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN  
TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

**Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Tổng Công ty đã cho thấy những nỗ lực đáng kể trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn lực. Việc ưu tiên sử dụng các nguồn nguyên liệu từ tự nhiên, thân thiện với môi trường, cụ thể là bông cotton và xơ Polyester, được đánh giá cao. Các sản phẩm dệt may từ các nguyên liệu này không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng mà còn thân thiện với môi trường do khả năng dễ dàng phân hủy. Bên cạnh đó, thỏa thuận hợp tác phát triển điện mặt trời áp mái tại các nhà máy ở TP.HCM và Ninh Thuận là một bước tiến quan trọng, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc phát triển năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính. Những nỗ lực này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn nâng cao giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Tổng Công ty cũng chú trọng đến việc tiết kiệm năng lượng thông qua sử dụng đèn chiếu sáng hiệu quả và cải tiến quy trình xử lý nước thải.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cũng nhận thức rõ đặc thù của ngành dệt may là tiêu thụ nhiều năng lượng và nước. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ sản xuất mới, tiên tiến để tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu và giảm thiểu tác động môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong thời gian tới.



**Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Tổng Công ty đã có những chính sách và hành động thiết thực để cải thiện đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động. Cụ thể, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng thu nhập, đề xuất tham gia bảo hiểm sức khỏe, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, cung cấp bữa ăn giữa ca đầy đủ dinh dưỡng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và triển khai các chương trình đào tạo phát triển kỹ năng. Các chính sách này thể hiện sự quan tâm của Tổng Công ty đến sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để tiếp tục nâng cao sự gắn kết và tạo động lực cho người lao động, Tổng Công ty sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách thu nhập và phúc lợi, đảm bảo tính công bằng và cạnh tranh.

**Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Tổng Công ty xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mình không chỉ đối với cổ đông mà còn đối với cộng đồng và xã hội. Trong năm 2024, Tổng Công ty đã triển khai nhiều hoạt động xã hội, từ thiện có ý nghĩa thiết thực, góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện và có trách nhiệm. Các hoạt động này bao gồm ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”, trao học bổng cho con em công nhân có hoàn cảnh khó khăn, tặng tủ sách cho trẻ em vùng cao, đóng góp các quỹ từ thiện và hỗ trợ đồng bào bị thiên tai. Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao những đóng góp này và cam kết sẽ tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động trách nhiệm xã hội trong tương lai.



Lễ vinh danh các cá nhân có nhiều đóng góp cho Tổng Công ty CP Phong Phú năm 2024

# 04

## Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

## Thuận lợi

Năm 2024 ngành dệt may Việt Nam giữ được mức tăng trưởng khá. Từ quý 03/2024, ngành đã vượt qua khó khăn 06 tháng đầu năm 2024 để giữ được đà tăng trưởng với hiệu quả sản xuất kinh doanh cải thiện rõ rệt. Cụ thể:

- Xuất, nhập khẩu hàng hóa là điểm sáng nổi bật và là động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2024 nhờ nhu cầu thị trường quốc tế đang trên đà phục hồi. Tốc độ tăng GDP năm 2024 của cả nền kinh tế đạt 7,09% so với năm trước, xét trong giai đoạn 2011 - 2024, đạt được mục tiêu Quốc hội đề ra, tốc độ tăng GDP năm 2024 chỉ thấp hơn tốc độ tăng các năm 2018, 2019 và 2022. Tính chung trong năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%, nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD.
- Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 so với năm trước tăng 3,63%.
- Lao động có việc làm và thu nhập bình quân của người lao động năm 2024 tăng so với năm trước; công tác an sinh xã hội được quan tâm kịp thời; hoạt động cứu trợ nhân dân vùng khó khăn, vùng thiên tai, bão được các bộ, ngành, địa phương được thực hiện rộng khắp, thiết thực và hiệu quả.

## Đối với ngành dệt may

- Tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2024 đạt khoảng 44 tỷ USD, vươn lên vị trí thứ 2 sau Trung Quốc về tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may, đứng trên Bangladesh, tăng 11,26% so với năm 2023.
- Thị trường xuất khẩu chính bao gồm Mỹ (16,71 tỷ USD, tăng 12,33%), Nhật Bản, EU, Hàn Quốc, Trung Quốc và ASEAN.
- Năm 2024, ngành dệt may Việt Nam có nhiều lợi thế, khi 17/19 Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đã có hiệu lực. Các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP không chỉ giảm thuế mà còn tạo điều kiện thuận lợi để sản phẩm dệt may Việt Nam tiếp cận các thị trường khó tính như Nhật, EU, Mỹ.... Đây là thị trường mang lại lợi thế lớn cho dệt may Việt Nam, đa dạng hóa đối tác khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Ngành cũng tiếp thu tốt công nghệ tự động hóa, quản trị số cũng như thích ứng tốt trước các đòi hỏi về tiêu chuẩn xanh - bền vững từ nhiều thị trường xuất khẩu.
- Người lao động ngành dệt may dễ thích nghi với sự chuyển đổi công nghệ số, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua lao động sáng tạo, có nhiều sáng kiến, cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, rèn luyện tay nghề thành thợ giỏi, đồng hành cùng doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu.

## Khó khăn

Năm 2024 là năm khó khăn với nền kinh tế Việt Nam, trong bối cảnh địa chính trị thế giới biến động khó lường, thiên tai xảy ra nặng nề ở trong và ngoài nước, thiếu hụt và cạnh tranh lao động tại các trung tâm sản xuất, khu công nghiệp lớn gây ra nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất.

Thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam:

- Chi phí sản xuất và lao động: chi phí lao động ngày càng tăng và khó tuyển dụng, biến động lãi suất và tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh.
- Yêu cầu chuyển đổi xanh: Những tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và an toàn đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư lớn vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng như quá trình chứng nhận, quy định nghiêm ngặt về môi trường, gây áp lực về tài chính.
- Thay đổi trong hành vi của khách hàng: Các nhãn hàng quốc tế ngày càng yêu cầu cao về chất lượng, tốc độ giao hàng, và trách nhiệm của nhà cung cấp đối với sản phẩm.
- Hành vi thay đổi đơn hàng hoặc tạm dừng đột ngột cũng gây khó khăn trong quản lý sản xuất.
- Áp lực về giá và đơn hàng nhỏ lẻ: Giá đơn hàng xuất khẩu tiếp tục giảm trong khi phần lớn doanh nghiệp phải chấp nhận các đơn hàng nhỏ lẻ với yêu cầu cao về thời gian và chất lượng, làm giảm biên lợi nhuận.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, để có thể tiếp tục giữ vững vị thế, tham gia ở vị trí có giá trị cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu, Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã nhận diện rõ thực trạng của mình; đánh giá đúng tình hình, chủ động, linh hoạt, đồng bộ các giải pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới cách thức quản lý song song với việc phát triển bền vững các nền tảng sẵn có của mình về truyền thống và sự đoàn kết, cùng với sự hỗ trợ chia sẻ của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn Tập đoàn Dệt May Việt Nam nên Phong Phú đã vượt qua khó khăn, trên đà tăng trưởng như mục tiêu đã đề ra.

## Kết quả đạt được trong năm 2024 như sau

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 2.642 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 384 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 380,5 tỷ đồng.
- Mức chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2024 dự kiến là 25%/mệnh giá CP.

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đánh giá chung**

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc có trình độ từ đại học trở lên và đa số đã có bằng thạc sỹ, được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, am hiểu sâu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp. Có sự hài hòa về chuyên ngành sợi dệt, kinh nghiệm, am hiểu sâu về quy trình công nghệ và các chuyên ngành tài chính, nhân sự, quản trị kinh doanh....
- Tổng Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị hàng quý theo đúng quy định của Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý cấp trung.
- Ban Tổng Giám đốc xác định mục tiêu trong năm 2024 là: Tăng trưởng lợi nhuận và phát triển thị trường. Vì vậy, Phong Phú đã nỗ lực không ngừng vì sự phát triển bền vững, đó là: kiên định với mục tiêu, quản trị thông minh, số hóa dữ liệu quản trị, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, cập nhật công nghệ, khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý của Tổng Công ty.



**Một số vấn đề Ban Tổng Giám đốc cần quan tâm trong thời gian tới**

Năm 2025 là một năm dự báo nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp dệt may. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó dự đoán, đặc biệt là ảnh hưởng của chính sách thuế mà Mỹ vừa công bố đầu tháng 4/2025 cùng với phản ứng của một số nước dẫn đến căng thẳng thuế quan giữa Mỹ và các nước. Nguy cơ chiến tranh thương mại có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo (AI) cùng các ứng dụng của nó không còn là “xu hướng” mà sẽ tạo ra cuộc chơi cạnh tranh thực sự cho các doanh nghiệp sản xuất. AI không chỉ đơn thuần là công cụ hỗ trợ mà chính nó đang dẫn thay đổi bản chất hoạt động của các doanh nghiệp theo chiều hướng tích cực hơn.

Trong bối cảnh đó, Ban Tổng Giám đốc cần quan tâm các vấn đề sau:

- Nghiên cứu đề xuất đầu tư mới, đổi mới công nghệ, phát triển các sản phẩm mới, phát triển thị trường và tăng doanh thu hiệu quả. Cải tiến và hoàn thiện quản trị số, chương trình chuyển đổi số để áp dụng vào sản xuất nhằm tiết giảm chi phí và tăng năng suất của Tổng Công ty.
- Tập trung khai thác và giữ vững thị trường mục tiêu sẵn có, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm chiến lược xuyên suốt. Tăng cường phát triển các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường ở những quốc gia tham gia các Hiệp định thương mại với Việt Nam.
- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo tại nguồn hoặc tuyển dụng bổ sung trong điều kiện mới với phương thức mới linh hoạt hiệu quả. Xây dựng chính sách đào tạo và giao chỉ tiêu đào tạo cho từng vị trí: số lượng, nội dung, v.v. Với tư duy đổi mới phương pháp quản lý, chú trọng kết quả giải quyết công việc, cải thiện doanh thu và phát triển thị trường, tập trung rà soát chuẩn hóa phương pháp quản lý để phân công nhân sự phù hợp, phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của đội ngũ.
- Thường xuyên chủ động có kế hoạch ứng phó với sự thay đổi khi có thiên tai, dịch bệnh và ảnh hưởng của chiến tranh.





Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBCNV quyết tâm nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2025 đảm bảo mục tiêu phấn đấu là “phát triển bền vững, đổi mới thích ứng và hiệu quả vượt trội” với các kế hoạch, định hướng sau:

- Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về: công tác nhân sự, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí ..., trong đó có xác định sự trì trệ không quyết tâm quyết liệt cũng là lãng phí cơ hội và tốc độ tăng trưởng.
- Tập trung công tác quy hoạch, lập kế hoạch trung hạn và dài hạn phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, tăng cường chuyển đổi số theo xu hướng mới, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản trị chung, tập trung vào các dự án trọng điểm. Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới có tính khác biệt cao và các sản phẩm khác ngoài sản

phẩm truyền thống như chăn, drap, rèm cửa... nhằm mang về giá trị cao cho Tổng Công ty.

- Phát huy sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đặc biệt quan tâm chỉ đạo công tác phòng chống rủi ro khách quan và chủ quan, chống tham nhũng, lãng phí, trì trệ ảnh hưởng đến kết quả, tốc độ tăng trưởng và sức khỏe của doanh nghiệp.
- Về củng cố phát triển nguồn nhân lực: có giải pháp cụ thể tạo động lực tích cực cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và phát triển thị trường, nhằm phát huy trí tuệ, thông minh sáng tạo và cống hiến, xây dựng chính sách thu nhập/thưởng xứng đáng để kích thích tư duy đột phá. Đây là yếu tố cốt lõi để đào tạo phát triển củng cố nguồn nhân lực.

# 05

## Quản trị Công ty



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự họp đầy đủ và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

| STT | Thành viên HĐQT           | Chức vụ    | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp              |
|-----|---------------------------|------------|--------------------------|-------------------|--------------------------------------|
| 1   | Ông Trần Quang Nghị       | Chủ tịch   | 61/61                    | 100%              |                                      |
| 2   | Ông Dương Khuê            | Thành viên | 61/61                    | 100%              |                                      |
| 3   | Ông Phạm Phú Chung        | Thành viên | 61/61                    | 100%              |                                      |
| 4   | Bà Phạm Minh Hương        | Thành viên | 61/61                    | 100%              |                                      |
| 5   | Bà Trương Thị Ngọc Phượng | Thành viên | 47/61                    | 77%               | Bầu vào HĐQT từ ngày 16/5/2024       |
| 6   | Bà Bùi Thị Thu            | Thành viên | 14/61                    | 22,9%             | Thôi tham gia HĐQT từ ngày 16/5/2024 |



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung                                                                                          | Tỷ lệ |
|-----|---------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 47/NQ-HĐQT    | 01/02/2024 | Thông qua vay vốn tại ngân hàng VIB                                                               | 100%  |
| 2   | 88/NQ-HĐQT    | 27/03/2024 | Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024                                                           | 100%  |
| 3   | 109/NQ-HĐQT   | 16/04/2024 | Cử đại diện quản lý vốn và đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP Dệt Gia Dung Phong Phú | 100%  |
| 4   | 108A/NQ-HĐQT  | 16/04/2024 | Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024                                                           | 100%  |
| 5   | 130A/NQ-HĐQT  | 03/05/2024 | Phê duyệt phương án đầu tư thay thế máy chải                                                      | 100%  |
| 6   | 130B/NQ-HĐQT  | 03/05/2024 | Phê duyệt đầu tư bổ sung thiết bị nhỏ lẻ tại nhà máy sợi Ninh Phú                                 | 100%  |
| 7   | 151/QĐ-HĐQT   | 23/05/2024 | Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị                                                                    | 100%  |
| 8   | 150A/NQ-HĐQT  | 23/05/2024 | Phê duyệt đầu tư xây dựng mở rộng nhà xưởng sợi Ninh Phú                                          | 100%  |
| 9   | 154/NQ-HĐQT   | 24/05/2024 | Điều chỉnh tổng dự toán phương án "đầu tư bổ sung thiết bị tăng năng lực se sợi chỉ may"          | 100%  |
| 10  | 153A/NQ-HĐQT  | 24/05/2024 | Phê duyệt tổng dự toán "Đầu tư xây dựng mở rộng nhà xưởng sợi Ninh Phú"                           | 100%  |
| 11  | 155/QĐ-HĐQT   | 27/05/2024 | Chi trả cổ tức còn lại năm 2023                                                                   | 100%  |
| 12  | 156A/NQ-HĐQT  | 27/05/2024 | Phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể "Đầu tư xây dựng mở rộng nhà xưởng sợi Ninh Phú"             | 100%  |
| 13  | 160/QĐ-HĐQT   | 04/06/2024 | Thành lập chi nhánh Tổng Công ty tại Đà Nẵng                                                      | 100%  |
| 14  | 160B/NQ-HĐQT  | 04/06/2024 | Ủy quyền phê duyệt hợp tác đầu tư                                                                 | 100%  |
| 15  | 157/QĐ-HĐQT   | 10/06/2024 | Phê duyệt bổ sung tài sản thế chấp của Hợp đồng vay ADB                                           | 100%  |
| 16  | 164A/QĐ-HĐQT  | 10/06/2024 | Ủy quyền phê duyệt đầu tư hoặc bán tài sản                                                        | 100%  |

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung                                                                                          | Tỷ lệ |
|-----|---------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 17  | 168/NQ-HĐQT   | 12/06/2024 | Phê duyệt đầu tư thiết bị nhỏ lẻ (xe nâng dầu)                                                    | 100%  |
| 18  | 169A/QĐ-HĐQT  | 12/06/2024 | Thông qua vay vốn tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh TP.HCM                  | 100%  |
| 19  | 171/QĐ-HĐQT   | 12/06/2024 | Thông qua vay vốn tại ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi                           | 100%  |
| 20  | 172/QĐ-HĐQT   | 13/06/2024 | Tạm ứng cổ tức năm 2024                                                                           | 100%  |
| 21  | 185B/QĐ-HĐQT  | 28/06/2024 | Tổ chức sắp xếp lại Phòng Hành chính tổng hợp                                                     | 100%  |
| 22  | 201/NQ-HĐQT   | 28/06/2024 | Phê duyệt đầu tư thay thế thiết bị ở công đoạn máy đánh ống tại Nhà máy sợi chỉ may               | 100%  |
| 23  | 186A/NQ-HĐQT  | 01/07/2024 | Thông qua chủ trương thoái vốn tại Liên Phương                                                    | 100%  |
| 24  | 188/QĐ-HĐQT   | 03/07/2024 | Phê duyệt chọn đơn vị kiểm toán                                                                   | 100%  |
| 25  | 188B/NQ-HĐQT  | 03/07/2024 | Phê duyệt tài sản đảm bảo để ký quỹ mở L/C nhập khẩu máy móc thiết bị (5 tỷ VNĐ)                  | 100%  |
| 26  | 202A/NQ-HĐQT  | 04/07/2024 | Phê duyệt tổng dự toán "Đầu tư thay thế máy đánh ống tại Nhà máy Sợi Chỉ May"                     | 100%  |
| 27  | 207A/NQ-HĐQT  | 08/07/2024 | Phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể Dự án "Đầu tư thay thế máy đánh ống tại Nhà máy Sợi Chỉ May" | 100%  |
| 28  | 267/NQ-HĐQT   | 26/08/2024 | Phê duyệt ký quỹ L/C dự án "Đầu tư thay thế máy chải"                                             | 100%  |
| 29  | 265/QĐ-HĐQT   | 26/08/2024 | Quyết định thanh lý thiết bị (Kuster) tại Đà Nẵng                                                 | 100%  |
| 30  | 309/NQ-HĐQT   | 08/10/2024 | Thông qua phương án chuyển nhượng vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Liên Phương               | 100%  |
| 31  | 321A/NQ-HĐQT  | 21/10/2024 | Bổ sung tài sản thế chấp ADB                                                                      | 100%  |

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung                                                                          | Tỷ lệ |
|-----|---------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 32  | 331A/NQ-HĐQT  | 31/10/2024 | Phê duyệt đầu tư mua lại máy móc thiết bị thuê Nha trang                          | 100%  |
| 33  | 337/QĐ-HĐQT   | 07/11/2024 | Thành lập Văn phòng HĐQT                                                          | 100%  |
| 34  | 340/NQ-HĐQT   | 08/11/2024 | Thông qua vay vốn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)            | 100%  |
| 35  | 344/NQ-HĐQT   | 12/11/2024 | Phê duyệt ký quỹ L/C dự án "Đầu tư thay thế máy đánh ống tại Nhà máy Sợi Chỉ May" | 100%  |
| 36  | 362/NQ-HĐQT   | 29/11/2024 | Thông qua vay vốn tại ngân hàng Vietcombank                                       | 100%  |
| 37  | 378/QĐ-HĐQT   | 16/12/2024 | Tạm ứng cổ tức năm 2024 (đợt 2)                                                   | 100%  |
| 38  | 378A/NQ-HĐQT  | 16/12/2024 | Thông qua vay vốn tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeAbank)                         | 100%  |
| 39  | 392/NQ-HĐQT   | 25/12/2024 | Ký kết và thực hiện giao dịch với bên có liên quan                                | 100%  |
| 40  | 411/QĐ-HĐQT   | 31/12/2024 | Điều chỉnh ngày ĐKCC để tạm ứng chi trả cổ tức năm 2024                           | 100%  |
| 41  | 445/ QĐ-HĐQT  | 31/12/2024 | Phê duyệt quyết toán dự án Đầu tư bổ sung thiết bị tăng năng lực se sợi chỉ may   | 100%  |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị Tổng Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Tổng Công ty.

Tham gia các buổi tập huấn do UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán tổ chức (nếu có).

Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm soát viên.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp Ban kiểm soát

| Stt | Thành viên BKS       | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp             |
|-----|----------------------|------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ  | Trưởng ban | 03                  | 100%              | 100%             |                                     |
| 2   | Bà Vũ Thị Thùy Dương | Thành viên | 03                  | 100%              | 100%             |                                     |
| 3   | Ông Lê Hồng Lĩnh     | Thành viên | 02                  | 66,66%            | 100%             | Tham gia BKS từ ngày 16/5/2024      |
| 4   | Bà Trần Liên Hữu     | Thành viên | 02                  | 66,66%            | 100%             | Thôi tham gia BKS từ ngày 16/5/2024 |

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ giám sát của BKS theo luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, hoạt động của BKS năm 2024 như sau:

Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện

- Điều lệ hoạt động, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT;
- Các phiên họp của HĐQT;

Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Tổng Công ty và các công ty có vốn của Tổng Công ty;
- Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty mẹ và các Công ty con của Tổng Công ty;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Tổng Công ty mẹ và các Công ty con của Tổng Công ty

Các hoạt động liên quan

- Kiểm tra định kỳ: Thẩm định báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.
- Cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD, tài chính, đầu tư.
- Tham gia dự họp các phiên họp của HĐQT.
- Tổ chức các phiên họp của BKS.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác

HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác tạo điều kiện cho BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

(Xem trong Báo cáo tài chính hợp nhất)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Không có phát sinh trong năm 2024.

Hợp đồng hoặc giao dịch với có liên quan

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                           | Mối quan hệ                                             | Số Giấy NSH | Thời điểm giao dịch | Số Nghị quyết/ Quyết định thông qua            | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------|---------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1   | Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ               | Cùng Công ty mẹ (Tập đoàn Dệt May Việt Nam)             | 0400101556  | 2024                | BB họp HĐQT ngày 20/10/2021 và ngày 09/05/2023 | Cung cấp dịch vụ. 2,2 tỷ đồng              |
| 2   | Công ty CP Phát Triển Đô Thị Dệt May Nam Định | Có liên quan với Công ty mẹ (Tập đoàn Dệt May Việt Nam) | 0600823862  | 2024                |                                                | Cổ tức nhận được: 1,6 tỷ đồng              |

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

| STT | Tên tổ chức/cá nhân               | Mối quan hệ                                        | Số Giấy NSH | Thời điểm giao dịch | Số Nghị quyết/ Quyết định thông qua | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch                         |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tập đoàn Dệt May Việt Nam         | Công ty mẹ                                         | 0100100008  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | HĐ mua hàng hóa, nguyên liệu. Tổng giá trị: 624,2 triệu đồng       |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | Nhận dịch vụ: 487,3 triệu đồng                                     |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | Lãi và phí của khoản vay phải trả: 38,5 tỷ đồng                    |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | Cổ tức phải trả: 93,5 tỷ đồng                                      |
| 2   | Công ty CP Dệt Gia Dựng Phong Phú | Công ty con                                        | 4500470547  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | HĐ bán hàng hóa, thành phẩm. Tổng giá trị: 135,1 tỷ đồng           |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | HĐ cung cấp dịch vụ. Tổng giá trị: 90,5 tỷ đồng                    |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | Lãi tiền thuê tài sản phải thu: 9,9 tỷ đồng                        |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | Cổ tức nhận được: 14,4 tỷ đồng                                     |
| 3   | Công ty TNHH Coats Phong Phú      | Công ty liên kết/ Người liên quan của người nội bộ | 0300828098  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | HĐ mua hàng hóa, nguyên liệu. Tổng giá trị: 275,2 tỷ đồng          |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | HĐ nhận dịch vụ. Tổng giá trị: 8,7 tỷ đồng                         |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | HĐ bán hàng hóa, thành phẩm. Tổng giá trị: 719,8 tỷ đồng           |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | HĐ cung cấp dịch vụ. Tổng giá trị: 16 tỷ đồng                      |
| 4   | Công ty CP Phước Lộc              | Công ty liên kết/ Người liên quan của người nội bộ | 0304506503  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | Cổ tức nhận được: 354,9 tỷ đồng                                    |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | HĐ mua hàng hóa, nguyên liệu. Tổng giá trị: 372,2 tỷ đồng          |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | HĐ bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ. Tổng giá trị: 70,8 tỷ đồng |
|     |                                   |                                                    |             |                     |                                     | HĐ cung cấp dịch vụ: 7,8 tỷ đồng.                                  |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân          | Mối quan hệ                                        | Số Giấy NSH | Thời điểm giao dịch | Số Nghị quyết/ Quyết định thông qua | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch                  |
|-----|------------------------------|----------------------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 5   | Công ty CP Quốc Tế Phong Phú | Công ty liên kết/ Người liên quan của người nội bộ | 0304995318  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | Cổ tức nhận được: 900 triệu đồng                            |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | HĐ mua hàng hóa, nguyên liệu. Tổng gtrị: 85,3 tỷ đồng       |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | Cổ tức phải trả: 64,5 triệu đồng.                           |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | HĐ cung cấp dịch vụ. Tổng giá trị: 16,39 tỷ đồng            |
| 6   | Công ty CP Dệt Đông Nam      | Công ty liên kết                                   | 0301166182  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | Cổ tức nhận được: 7,2 tỷ đồng                               |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | Cổ tức phải trả: 2,5 tỷ đồng                                |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | Góp vốn đã trả: 21,59 tỷ đồng                               |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | HĐ bán hàng hóa, thành phẩm. Tổng giá trị: 745,2 triệu đồng |
| 7   | Công ty CP Nam Dương Phú     | Công ty con                                        | 0317851320  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | HĐ mua hàng hóa, nguyên liệu. Tổng giá trị: 20,03 tỷ đồng   |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | Góp vốn đã trả: 4,4 tỷ đồng                                 |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | HĐ mua hàng hóa, nguyên liệu. Tổng giá trị: 29,3 triệu đồng |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     | Nhận dịch vụ: 23,9 tỷ đồng                                  |
| 8   | Công ty CP Dệt May Nha Trang | Công ty liên kết                                   | 4200237973  | 2024                | NQ số 356/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023   | Mua tài sản: 3,3 tỷ đồng                                    |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     |                                                             |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     |                                                             |
|     |                              |                                                    |             |                     |                                     |                                                             |

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị công ty luôn được Phong Phú đảm bảo theo đúng Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Tổng Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Tổng Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Tổng Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Tổng Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 20 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 35 147 340
- Fax : (84-28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị                                                                     | Địa chỉ                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú                                       | 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội   |
| Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang                         | Km1447, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa           |
| Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys         | 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng       |
| Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Ninh Thuận – Nhà máy Sợi Ninh Phú | Thôn Hạnh Trí, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận    |
| Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng                           | 34 Ông Ích Đường, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng |

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc láo, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên                | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm    |
|--------------------------|----------|------------------------------------------|
| Ông Trần Quang Nghị      | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Dương Khuê           | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Phạm Phú Chung       | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024 |
| Bà Phạm Minh Hương       | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024 |
| Bà Bùi Thị Thu           | Ủy viên  | Miễn nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024   |
| Bà Trương Thị Ngọc Phụng | Ủy viên  | Bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024     |

Ban kiểm soát

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm    |
|----------------------|------------|------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ  | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 5 năm 2024 |
| Bà Vũ Thị Thủy Dương | Thành viên | Tái bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024 |
| Bà Trần Liên Hữu     | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024   |
| Ông Lê Hồng Lĩnh     | Thành viên | Bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 5 năm 2024     |

Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên                | Chức vụ            | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|--------------------------|--------------------|---------------------------------------|
| Ông Dương Khuê           | Tổng Giám đốc      | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020    |
| Bà Lê Thị Hoàng Trang    | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022     |
| Ông Phạm Phú Chung       | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022    |
| Ông Lý Anh Tài           | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022    |
| Ông Nguyễn Văn Nhiệm     | Giám đốc điều hành | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2019 |
| Ông Đoàn Kiên            | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021     |
| Bà Trương Thị Ngọc Phụng | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022     |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dương Khuê – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,   
  
**Dương Khuê**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2025

Số: 1.0848/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại thuyết minh số VIII.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng theo phán quyết ngày 18 tháng 12 năm 2021 và phúc thẩm ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại Tổng Công ty đã đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.
- Tổng Công ty nhận được thông báo của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá thuê đất từ ngày 10 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như diện tích, mục đích sử dụng đất tương ứng với từng diện tích và vị trí đất Tổng Công ty thuê (xem thuyết minh số VIII.1). Hiện tại Tổng Công ty chưa nhận được thông báo chính thức số tiền thuê đất phải nộp từ Cơ quan thuế nên chưa ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Hoàng Thái Vương**  
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2025

**Nguyễn Thị Phước Tiên**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>1.766.586.086.522</b> | <b>1.657.799.775.904</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>123.279.779.901</b>   | <b>74.073.059.413</b>    |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 72.679.779.901           | 67.797.035.859           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 50.600.000.000           | 6.276.023.554            |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>546.189.593.362</b>   | <b>490.656.983.597</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                        | -                        |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                        | -                        |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 546.189.593.362          | 490.656.983.597          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>489.715.825.856</b>   | <b>495.303.760.934</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 437.727.287.214          | 374.560.508.379          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 21.623.063.707           | 8.220.335.833            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 54.837.551.162           | 136.997.473.022          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (24.486.403.454)         | (25.111.525.365)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | 14.327.227               | 636.969.065              |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>601.007.721.345</b>   | <b>595.755.494.721</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 607.962.909.452          | 605.029.837.217          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        | V.7         | (6.955.188.107)          | (9.274.342.496)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>6.393.166.058</b>     | <b>2.010.477.239</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 1.467.153.797            | 1.166.896.503            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 4.718.243.246            | 635.811.721              |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.17        | 207.769.015              | 207.769.015              |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                        | -                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                        | -                        |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>1.812.465.966.813</b> | <b>1.880.979.683.897</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>3.940.070.645</b>     | <b>1.948.001.131</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 3.940.070.645            | 1.948.001.131            |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>1.054.372.239.697</b> | <b>1.139.015.542.078</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 942.578.952.394          | 1.045.043.899.121        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 2.287.317.961.521        | 2.301.518.088.117        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (1.344.739.009.127)      | (1.256.474.188.996)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        | V.10        | 111.684.730.902          | 93.851.024.744           |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | 122.118.650.662          | 100.459.854.557          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | (10.433.919.760)         | (6.608.829.813)          |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.11        | 108.556.401              | 120.618.213              |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 583.927.273              | 583.927.273              |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (475.370.872)            | (463.309.060)            |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>6.882.372.470</b>     | <b>1.703.961.819</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.12        | 6.882.372.470            | 1.703.961.819            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>723.048.832.989</b>   | <b>715.157.944.519</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                        | -                        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 650.156.006.561          | 631.403.652.016          |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2c        | 105.929.737.637          | 105.929.737.637          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2c        | (33.036.911.209)         | (22.175.445.134)         |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>24.222.451.012</b>    | <b>23.154.234.350</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 17.333.312.671           | 12.328.445.529           |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.13        | -                        | -                        |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        | V.14        | 6.889.138.341            | 10.825.788.821           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>3.579.052.053.335</b> | <b>3.538.779.459.801</b> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.695.033.301.995</b> | <b>1.805.267.530.477</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>1.072.855.779.140</b> | <b>1.209.790.239.271</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.15        | 264.768.227.637          | 262.271.396.369          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.16        | 138.987.307.686          | 137.439.253.933          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.17        | 5.121.241.541            | 153.081.698.222          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.18        | 68.112.150.907           | 61.778.793.622           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.19        | 10.383.298.588           | 8.423.087.802            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                        | -                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.20a       | 4.029.941.115            | 3.440.009.981            |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.21a,c     | 131.157.198.322          | 103.246.176.287          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.22a,c     | 374.262.338.235          | 402.583.798.387          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        | V.23        | 62.473.188.366           | 62.473.188.366           |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.24        | 13.560.886.743           | 15.052.836.302           |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                        | -                        |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>622.177.522.855</b>   | <b>595.477.291.206</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                        | -                        |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                        | -                        |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                        | -                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        | V.20b       | 20.497.647.770           | 24.487.076.071           |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.21b,c     | 13.891.296.000           | 9.926.000.000            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.22b,c     | 587.788.579.085          | 561.064.215.135          |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                        | -                        |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                        | -                        |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                        | -                        |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                        | -                        |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                        | -                        |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm       | Số đầu năm        |
|--------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU                                           | 400   |             | 1.884.018.751.340 | 1.733.511.929.324 |
| I. Vốn chủ sở hữu                                            | 410   |             | 1.884.018.751.340 | 1.733.511.929.324 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411   | V.25        | 746.708.910.000   | 746.708.910.000   |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a  |             | 746.708.910.000   | 746.708.910.000   |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b  |             | -                 | -                 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412   | V.25        | 32.368.276.001    | 32.368.276.001    |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413   |             | -                 | -                 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414   |             | -                 | -                 |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415   |             | -                 | -                 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416   |             | -                 | -                 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417   |             | -                 | -                 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418   | V.25        | 512.396.290.709   | 471.023.935.263   |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419   |             | -                 | -                 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420   |             | -                 | -                 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421   | V.25        | 554.897.813.293   | 453.080.475.331   |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a  |             | 331.548.575.510   | 453.080.475.331   |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b  |             | 223.349.237.783   | -                 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422   |             | -                 | -                 |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429   | V.25        | 37.647.461.337    | 30.330.332.729    |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác                               | 430   |             | -                 | -                 |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431   |             | -                 | -                 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432   |             | -                 | -                 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN                                          | 440   |             | 3.579.052.053.335 | 3.538.779.459.801 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Trần Lan Anh  
Người lập

Lê Thị Tú Anh  
Kế toán trưởng

Dương Khuê  
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                               | Mã số | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 2.238.054.501.804 | 1.754.522.756.502 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    | VI.2        | 5.377.071.122     | 5.141.359.865     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 2.232.677.430.682 | 1.749.381.396.637 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.3        | 1.803.527.972.601 | 1.401.637.434.862 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 429.149.458.081   | 347.743.961.775   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.4        | 48.549.589.677    | 43.283.518.454    |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.5        | 103.476.344.756   | 87.735.875.529    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 54.671.580.549    | 59.352.205.703    |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    | V.2b        | 352.006.941.295   | 320.268.114.578   |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.6        | 88.390.177.071    | 77.059.549.951    |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.7        | 258.205.156.184   | 221.824.872.170   |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 379.634.311.042   | 324.675.297.157   |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.8        | 8.896.409.854     | 124.867.296       |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.9        | 4.507.003.474     | 5.065.667.225     |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 4.389.406.380     | (4.940.799.929)   |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 384.023.717.422   | 319.734.497.228   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.17        | 3.482.742.573     | 2.991.362.446     |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                 | -                 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | 380.540.974.849   | 316.743.134.782   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 373.773.464.227   | 311.362.639.035   |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | 6.767.510.622     | 5.380.495.747     |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.10       | 4.507             | 3.865             |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.10       | 4.507             | 3.865             |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Trần Lan Anh  
Người lập

Lê Thị Tú Anh  
Kế toán trưởng

Dương Khuê  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Đơn vị tính: VND                                                                           |       |                              |                     |                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|---------------------|-------------------|
| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh                  | Năm nay             | Năm trước         |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh                                                 |       |                              |                     |                   |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01    |                              | 384.023.717.422     | 319.734.497.228   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |       |                              |                     |                   |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          |       | V.9, V.10, V.11, V.14        | 142.536.047.428     | 138.365.572.429   |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 02    | V.2c, V.6, V.7               | 7.917.189.774       | 1.845.909.599     |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 03    |                              |                     |                   |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 04    | VI.5                         | 22.263.262.240      | 16.843.485.309    |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 05    | V.2b, VI.4, VI.8, VI.9       | (389.500.584.275)   | (352.240.488.747) |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 06    | VI.5                         | 54.671.580.549      | 59.352.205.703    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 07    |                              | -                   | -                 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 08    |                              | 221.911.213.138     | 183.901.181.521   |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 09    |                              | 7.020.214.001       | (45.204.322.300)  |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 10    |                              | (2.933.072.235)     | 7.331.825.853     |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 11    |                              | (108.272.346.371)   | 108.357.688.246   |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 12    |                              | (5.305.124.436)     | 1.793.143.538     |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 13    |                              | -                   | -                 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 14    | V.19, V.21a, V.22, VI.5, VII | (57.717.261.062)    | (65.692.256.306)  |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 15    | V.17                         | (3.874.434.936)     | (2.539.266.395)   |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 16    |                              | -                   | -                 |
|                                                                                            | 17    | V.24, V.25                   | (43.608.577.086)    | (31.897.121.832)  |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                              | 20    |                              | 7.220.611.013       | 156.050.872.325   |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư                                                    |       |                              |                     |                   |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               |       | V.10, V.12, V.22, VII        | (63.330.341.320)    | (62.870.816.506)  |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 21    |                              |                     |                   |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 22    | V.9, VI.8,                   | 5.811.673.494       | 9.618.307.947     |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 23    | V.2a                         | (1.014.189.593.362) | (938.286.972.597) |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 24    | V.2a                         | 958.656.983.597     | 720.629.989.000   |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 25    | V.2b                         | (21.591.240.000)    | -                 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 26    |                              | -                   | -                 |
|                                                                                            | 27    | V.2b, V.5a, VI.4, VII        | 391.171.737.227     | 460.865.516.582   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                  | 30    |                              | 256.529.219.636     | 189.956.024.426   |

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------|-------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |       |             |                     |                   |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31    |             | -                   | -                 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -                   | -                 |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33    | V.22        | 1.036.972.956.926   | 749.222.852.583   |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34    | V.22        | (1.072.862.872.819) | (770.860.085.257) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35    | V.22        | (22.518.654.105)    | (66.992.823.059)  |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36    | V.21a, V.25 | (157.974.609.475)   | (255.713.371.765) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40    |             | (216.383.179.473)   | (344.343.427.498) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                            | 50    |             | 47.366.651.176      | 1.663.469.253     |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60    | V.1         | 74.073.059.413      | 72.369.002.941    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | 1.840.069.312       | 40.587.219        |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                          | 70    | V.1         | 123.279.779.901     | 74.073.059.413    |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

  
Trần Lan Anh  
Người lập

  
Lê Thị Tú Anh  
Kế toán trưởng

  
Dương Khuê  
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                                                                             | Địa chỉ trụ sở chính                                                   | Hoạt động kinh doanh chính                                                                                           | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (trước đây là Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú) | Thôn Hạnh Trí, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận           | Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may | 90%           | 90%           | 90%                    |
| Công ty Cổ phần Nam Dương Phú (*)                                                       | 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi                                                                                      | 96,28%        | 96,28%        | 97,97%                 |

(\*) Theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Nam Dương Phú, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 48% và Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú đầu tư vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 10%. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dương Phú chưa thực hiện góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký nên tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn thực tế tại Công ty Cổ phần Nam Dương Phú là 96,28%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty                                                 | Địa chỉ trụ sở chính                                                      | Hoạt động kinh doanh chính                                                                | Tỷ lệ phần sở hữu |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|------------------------|------------|
|                                                             |                                                                           |                                                                                           | Số cuối năm       | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú                                | Số 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi                                                           | 35,65%            | 35,65%     | 35,65%                 | 35,65%     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn | Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh         | Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản                                                 | 21,51%            | 21,51%     | 21,51%                 | 21,51%     |
| Công ty Cổ phần May Đà Lạt                                  | Số 09 Phù Đồng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                     | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may    | 40,00%            | 40,00%     | 40,00%                 | 40,00%     |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức     | Số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội          | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê     | 47,64%            | 47,64%     | 47,64%                 | 47,64%     |
| Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú     | Số 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh        | Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông | 31,71%            | 31,71%     | 31,71%                 | 31,71%     |
| Công ty Cổ phần Dệt Đồng Nam                                | Số 727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh             | Sản xuất các sản phẩm dệt                                                                 | 35,99%            | 35,99%     | 35,99%                 | 35,99%     |
| Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang                           | Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                             | Sản xuất các sản phẩm dệt                                                                 | 23,89%            | 23,89%     | 23,89%                 | 23,89%     |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.983 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.937 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, *Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016*, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết  
Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TONG CONG TY CO PHAN PHONG PHU

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
  - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
  - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là quyền sử dụng đất, công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Quyền sử dụng đất

Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất là khoản tiền đã trả cho phần đất chuyển nhượng mà Tổng Công ty đang sử dụng. Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn qui định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| Loại tài sản cố định            | Số năm  |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 50 |
| Máy móc và thiết bị             | 05 – 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 08 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| Loại tài sản cố định            | Số năm  |
|---------------------------------|---------|
| Máy móc và thiết bị             | 06 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08      |

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### 16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                                  | Số cuối năm     | Số đầu năm     |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Tiền mặt                                                                         | 2.640.733.697   | 1.598.777.712  |
| Tiền gửi ngân hàng                                                               | 70.039.046.204  | 66.198.258.147 |
| Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng | 50.600.000.000  | 6.276.023.554  |
| Cộng                                                                             | 123.279.779.901 | 74.073.059.413 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng. Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu với tổng số tiền 55.500.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán L/C và bảo lãnh tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh số V.22).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

|                                                             | Số cuối năm     |                                     |                 | Số đầu năm      |                                     |                 |
|-------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|
|                                                             | Giá gốc         | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng            | Giá gốc         | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng            |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú                                | 85.253.638.578  | 311.747.220.574                     | 397.000.859.152 | 85.253.638.578  | 332.359.745.569                     | 417.613.384.147 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn | 10.000.000.000  | 19.739.243                          | 10.019.739.243  | 10.000.000.000  | 6.480.834                           | 10.006.480.834  |
| Công ty Cổ phần May Đà Lạt                                  | 6.769.616.000   | (1.636.287.331)                     | 5.133.328.669   | 6.769.616.000   | (1.932.024.300)                     | 4.837.591.700   |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức     | 144.586.200.608 | (5.228.765.629)                     | 139.357.434.979 | 144.586.200.608 | (14.610.737.957)                    | 129.975.462.651 |
| Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú     | 6.800.516.237   | (6.800.516.237)                     | -               | 6.800.516.237   | (6.800.516.237)                     | -               |
| Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam                                | 46.888.561.208  | 13.394.805.154                      | 60.283.366.362  | 25.297.321.208  | 12.296.906.424                      | 37.594.227.632  |
| Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang                           | 70.968.627.165  | (32.607.349.009)                    | 38.361.278.156  | 70.968.627.165  | (39.592.122.113)                    | 31.376.505.052  |
| Cộng                                                        | 371.267.159.796 | 278.888.846.765                     | 650.156.006.561 | 349.675.919.796 | 281.727.732.220                     | 631.403.652.016 |

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

|                                                             | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Tăng vốn trong năm | Phản lãi hoặc lỗ trong năm | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm | Điều chỉnh giảm khác | Giá trị phần sở hữu cuối năm |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------------|---------------------------------------|----------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Coats Phong Phú                                | 417.613.384.147             | -                  | 334.333.003.950            | (354.945.528.945)                     | -                    | 397.000.859.152              |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn | 10.006.480.834              | -                  | 13.258.409                 | -                                     | -                    | 10.019.739.243               |
| Công ty Cổ phần May Đà Lạt                                  | 4.837.591.700               | -                  | 295.736.969                | -                                     | -                    | 5.133.328.669                |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức     | 129.975.462.651             | -                  | 9.381.972.328              | -                                     | -                    | 139.357.434.979              |
| Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú     | -                           | -                  | -                          | -                                     | -                    | -                            |
| Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam                                | 37.594.227.632              | 21.591.240.000     | 1.097.898.730              | -                                     | -                    | 60.283.366.362               |
| Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang                           | 31.376.505.052              | -                  | 6.885.070.909              | -                                     | 99.702.195           | 38.361.278.156               |
| Cộng                                                        | 631.403.652.016             | 21.591.240.000     | 352.006.941.295            | (354.945.528.945)                     | 99.702.195           | 650.156.006.561              |

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

|                              | Năm nay         | Năm trước       |
|------------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Coats Phong Phú |                 |                 |
| Lợi nhuận được chia          | 354.945.528.945 | 410.844.829.248 |
| Bán thành phẩm, hàng hóa     | 719.788.233.270 | 501.934.324.971 |
| Cung cấp dịch vụ             | 16.047.715.530  | 15.177.221.087  |
| Mua nguyên liệu              | 372.234.312.970 | 233.602.324.814 |
| Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam |                 |                 |
| Nhận góp vốn                 | 260.000.000     | -               |
| Bán thành phẩm               | 22.812.996      | -               |
| Góp vốn                      | 21.591.276.542  | -               |

TONG CONG TY CO PHAN PHONG PHU

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|                                          | Năm nay        | Năm trước      |
|------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang</b> |                |                |
| Bán thành phẩm, hàng hóa                 | -              | 3.592.970.303  |
| Cung cấp dịch vụ                         | -              | 6.553.775.136  |
| Lãi tiền thuê tài sản phải thu           | -              | 4.527.399.646  |
| Mua hàng hóa, nguyên vật liệu            | 1.519.280.484  | 9.534.114.491  |
| Chi phí dịch vụ                          | 23.962.409.646 | 15.852.609.622 |
| Chi phí hỗ trợ chuyển giao nhà máy       |                | 2.564.726.758  |
| Mua công cụ dụng cụ, tài sản cố định     | 3.361.155.981  | -              |
| <b>Công ty Cổ phần May Đà Lạt</b>        |                |                |
| Cổ tức được chia                         | -              | 634.652.566    |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                                         | Số cuối năm            |                         | Số đầu năm             |                         |
|---------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                                         | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |
| Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An         | 13.027.052.451         | (1.423.365.164)         | 13.027.052.451         | (246.155.288)           |
| Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương                     | 32.288.540.334         | (9.402.117.994)         | 32.288.540.334         | -                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định              | 12.533.634.095         | -                       | 12.533.634.095         | -                       |
| Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú              | 5.852.355.319          | (5.852.355.319)         | 5.852.355.319          | (5.852.355.319)         |
| Công ty Cổ phần Len Việt Nam                            | 1.337.103.882          | (877.928.858)           | 1.337.103.882          | (949.900.491)           |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may | 11.282.879.453         | (10.683.281.723)        | 11.282.879.453         | (10.508.383.656)        |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá                        | 2.984.184.383          | (2.984.184.382)         | 2.984.184.383          | (2.804.972.612)         |
| Công ty Cổ phần Hưng Phú                                | 1.813.677.769          | (1.813.677.769)         | 1.813.677.769          | (1.813.677.768)         |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định      | 7.500.000.000          | -                       | 7.500.000.000          | -                       |
| Công ty Cổ phần Phước Lộc                               | 3.216.754.481          | -                       | 3.216.754.481          | -                       |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú                       | 14.093.555.470         | -                       | 14.093.555.470         | -                       |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>105.929.737.637</b> | <b>(33.036.911.209)</b> | <b>105.929.737.637</b> | <b>(22.175.445.134)</b> |

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                    | Năm nay               | Năm trước             |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm         | 22.175.445.134        | 17.355.315.590        |
| Trích lập dự phòng | 10.861.466.075        | 4.820.129.544         |
| Số cuối năm        | <b>33.036.911.209</b> | <b>22.175.445.134</b> |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                       | <b>277.018.342.238</b> | <b>210.485.660.916</b> |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú                            | 262.239.956.872        | 196.535.436.993        |
| Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú | 12.930.807.340         | 12.930.807.340         |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú                       | 1.490.805.374          | 1.003.372.075          |
| Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ                    | 274.347.052            | -                      |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam                               | 82.425.600             | 16.044.508             |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                     | <b>160.708.944.976</b> | <b>164.074.847.463</b> |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>437.727.287.214</b> | <b>374.560.508.379</b> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Toàn bộ quyền phát sinh nợ phải thu với số tiền 60.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và quyền đòi nợ phải thu với số tiền là 6.235.843.562 VND đã được dùng để thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu (xem thuyết minh số V.22a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                                    | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>Trả trước cho bên liên quan</b>                                 | <b>2.077.920</b>      | -                    |
| Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP                                     | 2.077.920             | -                    |
| <b>Trả trước cho các người bán khác</b>                            | <b>21.620.985.787</b> | <b>8.220.335.833</b> |
| Công ty Cổ phần Dệt Đông Quang                                     | 127.464.624           | 1.332.815.915        |
| Công ty Cổ phần Dệt - May Hoàng Thị Loan – Trả trước tiền gia công | 10.000.000.000        | -                    |
| Olam Global Agri Pte Ltd                                           | -                     | 1.090.921.650        |
| Olam International Limited                                         | -                     | 932.307.200          |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Văn Khoa                  | 2.360.897.266         | 889.230.636          |
| Các nhà cung cấp khác                                              | 9.132.623.897         | 3.975.060.432        |
| <b>Cộng</b>                                                        | <b>21.623.063.707</b> | <b>8.220.335.833</b> |

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

|                                                                                                               | Số cuối năm           |                         | Số đầu năm             |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                                                                                               | Giá trị               | Dự phòng                | Giá trị                | Dự phòng                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai                     | -                     | -                       | 74.071.866.212         | -                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền chậm thanh toán                                 | -                     | -                       | 11.448.047.374         | -                       |
| Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Dự án Láng Le - Bàu Cò (*) | 43.532.895.759        | (16.291.758.178)        | 43.532.895.759         | (16.291.758.178)        |
| Phải thu lãi tiền thuê tài sản                                                                                | 354.507.539           | -                       | 400.801.124            | -                       |
| Cổ tức được chia                                                                                              | 1.651.686.000         | -                       | -                      | -                       |
| Tạm ứng                                                                                                       | 5.341.881.094         | -                       | 2.868.812.602          | -                       |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                                                                              | 3.956.580.770         | (3.242.551.090)         | 4.675.049.951          | (3.242.551.090)         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                   | <b>54.837.551.162</b> | <b>(19.534.309.268)</b> | <b>136.997.473.022</b> | <b>(19.534.309.268)</b> |

(\*) Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 279/TB-VP nêu kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Võ Văn Hoan về việc thống nhất chủ trương Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV không tiếp tục thực hiện dự án và giao cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH đảm phán, chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty. Ngày 26 tháng 5 năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 4046/STNMT-QLĐ báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi đất dự án và bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 1923/QĐ-UBND về việc thu hồi đất dự án Cụm công nghiệp Láng Le – Bàu Cò. Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH đang làm việc và thống nhất chi phí đầu tư dỡ dang, vốn góp chia sẻ và công nợ tồn tại của các bên để báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định, xin ý kiến chỉ đạo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

|                                 | Số cuối năm   |          | Số đầu năm    |          |
|---------------------------------|---------------|----------|---------------|----------|
|                                 | Giá trị       | Dự phòng | Giá trị       | Dự phòng |
| Các khoản ký quỹ dài hạn        | -             | -        | 76.332.598    | -        |
| Thuế GTGT thuế tài chính        | 2.559.086.949 | -        | -             | -        |
| Các khoản phải thu dài hạn khác | 1.380.983.697 | -        | 1.871.668.533 | -        |
| Cộng                            | 3.940.070.646 | -        | 1.948.001.131 | -        |

6. Nợ xấu

|                                             | Số cuối năm    |                        | Số đầu năm     |                        |
|---------------------------------------------|----------------|------------------------|----------------|------------------------|
|                                             | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV | 43.532.895.759 | 27.241.137.581         | 43.532.895.759 | 27.241.137.581         |
| Công ty TNHH Tài Tín                        | 3.242.551.090  | -                      | 3.242.551.090  | -                      |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác        | 5.455.764.842  | 503.670.656            | 5.643.466.094  | 66.249.997             |
| Cộng                                        | 52.231.211.691 | 27.744.808.237         | 52.418.912.943 | 27.307.387.578         |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                                | Năm nay        | Năm trước       |
|--------------------------------|----------------|-----------------|
| Số đầu năm                     | 25.111.525.365 | 25.434.741.362  |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng | (625.121.911)  | 4.658.590.671   |
| Xử lý công nợ (*)              | -              | (4.981.806.668) |
| Số cuối năm                    | 24.486.403.454 | 25.111.525.365  |

(\*) Xóa nợ phải thu khó đòi không có khả năng thu hồi theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú.

7. Hàng tồn kho

|                                      | Số cuối năm     |                 | Số đầu năm      |                 |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                                      | Giá gốc         | Dự phòng        | Giá gốc         | Dự phòng        |
| Hàng mua đang đi trên đường          | -               | -               | 6.365.471.268   | -               |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 136.636.089.820 | (2.069.136.181) | 142.189.822.926 | (4.121.336.108) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 142.647.829.387 | (1.685.911.923) | 147.408.669.776 | (2.648.094.987) |
| Chi phí dở dang dự án (*)            | 187.766.564.464 | -               | 187.766.564.464 | -               |
| Thành phẩm                           | 128.704.264.411 | (3.200.140.003) | 103.289.248.610 | (2.504.911.401) |
| Hàng hóa                             | 8.502.593.674   | -               | 15.464.971.717  | -               |
| Hàng gửi đi bán                      | 3.705.567.696   | -               | 2.545.088.456   | -               |
| Cộng                                 | 607.962.909.452 | (6.955.188.107) | 605.029.837.217 | (9.274.342.496) |

(\*) Chi phí dở dang của Dự án Phát triển khu nhà ở tại phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số VIII.7).

Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị thể chấp lần lượt tối thiểu là 245.000.000.000 VND và 40.000.000.000 VND được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                    | Năm nay         | Năm trước       |
|--------------------|-----------------|-----------------|
| Số đầu năm         | 9.274.342.496   | 16.907.153.112  |
| Hoàn nhập dự phòng | (2.319.154.389) | (7.632.810.616) |
| Số cuối năm        | 6.955.188.107   | 9.274.342.496   |

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                     | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| Công cụ, dụng cụ                    | 592.917.089   | 98.529.935    |
| Chi phí bảo hiểm                    | 351.935.046   | 279.390.124   |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 522.301.662   | 788.976.444   |
| Cộng                                | 1.467.153.797 | 1.166.896.503 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

|                                    | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|------------------------------------|----------------|----------------|
| Công cụ, dụng cụ                   | 4.325.290.590  | 781.824.424    |
| Chi phí sửa chữa                   | 7.315.584.492  | 3.865.643.888  |
| Tiền thuê đất                      | 3.918.367.320  | 5.387.755.080  |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 1.774.070.269  | 2.293.222.137  |
| Cộng                               | 17.333.312.671 | 12.328.445.529 |

9. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 377.056.811.368 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng và Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình là hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1”, “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 2” và công trình nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận có giá trị còn lại theo sổ sách là 148.220.448.452 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

Một số tài sản cố định hữu hình là “Máy cắt ngang khổ hẹp”, “Máy vắt sò bàn xoay điện từ tốc độ cao Yamato” và “Máy khâu go tự động tháo rời” có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.879.618.860 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.22a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

|                                        | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng             |
|----------------------------------------|---------------------|---------------------------------|------------------|
| Nguyên giá                             |                     |                                 |                  |
| Số đầu năm                             | 97.908.880.314      | 2.550.974.243                   | 100.459.854.557  |
| Thuê tài chính trong năm               | 34.856.428.559      | 520.000.000                     | 35.376.428.559   |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (13.717.632.454)    | -                               | (13.717.632.454) |
| Số cuối năm                            | 119.047.676.419     | 3.070.974.243                   | 122.118.650.662  |
| Giá trị hao mòn                        |                     |                                 |                  |
| Số đầu năm                             | 6.506.626.029       | 102.203.784                     | 6.608.829.813    |
| Khấu hao trong năm                     | 7.367.752.033       | 376.649.552                     | 7.744.401.585    |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (3.919.311.638)     | -                               | (3.919.311.638)  |
| Số cuối năm                            | 9.955.066.424       | 478.853.336                     | 10.433.919.760   |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|                        | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Cộng            |
|------------------------|------------------------|------------------------------------|-----------------|
| <b>Giá trị còn lại</b> |                        |                                    |                 |
| Số đầu năm             | 91.402.254.285         | 2.448.770.459                      | 93.851.024.744  |
| Số cuối năm            | 109.092.609.995        | 2.592.120.907                      | 111.684.730.902 |

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trưng (danh nghĩa).

11. Tài sản cố định vô hình

|                    | Nguyên giá  | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| Số đầu năm         | 583.927.273 | 463.309.060     | 120.618.213     |
| Khấu hao trong năm |             | 12.061.812      |                 |
| Số cuối năm (*)    | 583.927.273 | 475.370.872     | 108.556.401     |

(\*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 403.000.000 VND.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                 | Số đầu năm    | Chi phí phát<br>sinh trong<br>năm | Kết chuyển vào<br>TSCĐ và TSCĐ<br>thuê tài chính<br>trong năm | Kết chuyển<br>vào chi phí | Số cuối năm   |
|---------------------------------|---------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|
| Mua sắm tài sản cố định         | -             | 44.811.219.226                    | (40.441.881.411)                                              | (2.497.983.203)           | 1.871.354.612 |
| Xây dựng cơ bản dở dang         | 1.703.961.819 | 17.001.299.804                    | (10.439.291.665)                                              | (3.254.952.100)           | 5.011.017.858 |
| - Dự án chợ mới TP.<br>Vũng Tàu | 1.407.780.001 | -                                 | -                                                             | -                         | 1.407.780.001 |
| - Máy đánh ống                  | -             | 7.172.224.627                     | (5.115.114.092)                                               | (982.505.700)             | 1.074.604.835 |
| - Các dự án khác                | 296.181.818   | 9.829.075.177                     | (5.324.177.573)                                               | (2.272.446.400)           | 2.528.633.022 |
| Cộng                            | 1.703.961.819 | 61.812.519.030                    | (50.881.173.076)                                              | (5.752.935.303)           | 6.882.372.470 |

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

|                                               | Số cuối năm           | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</b>      | <b>81.676.486.842</b> | <b>94.413.007.473</b>  |
| Các chi phí phải trả                          | 4.089.822.379         | 5.061.066.905          |
| Dự phòng phải trả                             | 62.473.188.366        | 62.473.188.366         |
| Chi phí lãi vay không được trừ <sup>(i)</sup> | 15.113.476.097        | 26.878.752.202         |
| <b>Lỗ tính thuế <sup>(ii)</sup></b>           | <b>88.947.721.291</b> | <b>232.194.236.862</b> |
| Cộng                                          | 170.624.208.133       | 326.607.244.335        |

(i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Lợi thế thương mại

|             |                |
|-------------|----------------|
| Nguyên giá  |                |
| Số đầu năm  | 39.366.504.802 |
| Số cuối năm | 39.366.504.802 |

|                   |                |
|-------------------|----------------|
| Số đã phân bổ     |                |
| Số đầu năm        | 28.540.715.981 |
| Phân bổ trong năm | 3.936.650.480  |
| Số cuối năm       | 32.477.366.461 |

|                 |                |
|-----------------|----------------|
| Giá trị còn lại |                |
| Số đầu năm      | 10.825.788.821 |
| Số cuối năm     | 6.889.138.341  |

15. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                           | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>         | <b>162.482.464.291</b> | <b>153.417.756.091</b> |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú              | 160.984.769.508        | 113.580.209.519        |
| Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang         | 1.465.953.176          | 39.837.546.572         |
| Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt may Nam Định | 31.741.607             | -                      |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>     | <b>102.285.763.346</b> | <b>108.853.640.278</b> |
| Cộng                                      | 264.768.227.637        | 262.271.396.369        |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                                                                                                                                                  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Trả trước của các bên liên quan</b>                                                                                                                           | <b>9.984.020.760</b>   | <b>9.984.020.760</b>   |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam                                                                                                                                        | 21.442.860             | 21.442.860             |
| Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu<br>Dệt may Việt Nam                                                                                                 | 9.962.577.900          | 9.962.577.900          |
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b>                                                                                                                         | <b>129.003.286.926</b> | <b>127.455.233.173</b> |
| Tiền thu của khách hàng liên quan đến chuyển nhượng các căn nhà liên kế Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B (xem thuyết minh số VIII.4 và VIII.6) | 115.401.827.748        | 115.401.827.748        |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phương                                                                                                                     | -                      | 2.165.201.342          |
| Các khách hàng khác                                                                                                                                              | 13.601.459.178         | 9.888.204.083          |
| Cộng                                                                                                                                                             | 138.987.307.686        | 137.439.253.933        |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ, dệt: (\*) 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm: 05%

(\*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43121000136 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho công ty có dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và Công văn số 979/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận về việc hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2012 đến 2026), miễn thuế 04 năm (từ năm 2013 đến năm 2016) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2025).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Tập đoàn bao gồm:

|                                        | Năm nay       | Năm trước     |
|----------------------------------------|---------------|---------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú         | 29.729.199    | -             |
| Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú | 2.968.915.033 | 2.899.099.478 |
| Công ty Cổ phần Nam Dương Phú          | 484.098.341   | 92.262.968    |
| Cộng                                   | 3.482.742.573 | 2.991.362.446 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Tổng Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp tính đến năm 2024 của khu đất Số 2 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh theo các Thông báo số 09/TB-CCTTP ngày 20 tháng 3 năm 2024, Thông báo số 253487/TB-TB07-CCTTP ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Thông báo số 14791/TB-CCTTP ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thuế quận Tân Phú (xem thuyết minh số VIII.5).

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | Số cuối năm    | Số đầu năm    |
|------------------------------------|----------------|---------------|
| Chi phí lãi vay                    | 976.018.244    | 868.496.364   |
| Chi phí tiện ích                   | 3.552.006.566  | 3.408.494.183 |
| Chi phí hoa hồng                   | 1.302.331.245  | 1.024.077.158 |
| Chi phí doanh số, hỗ trợ siêu thị  | 347.068.683    | 428.339.058   |
| Chi phí quảng cáo                  | 1.020.000.000  | -             |
| Chi phí chế độ cho nhân viên       | -              | 683.775.592   |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 3.185.873.850  | 2.009.905.447 |
| Cộng                               | 10.383.298.588 | 8.423.087.802 |

20. Doanh thu chưa thực hiện

20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

|                                                                           | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan                      | 3.157.462.000 | 3.157.462.000 |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú - Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định | 3.157.462.000 | 3.157.462.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác        | 872.479.115   | 282.547.981   |
| Cộng                                                                      | 4.029.941.115 | 3.440.009.981 |

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

|                                                                               | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan                          | 17.366.041.000 | 20.523.503.000 |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú - Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định (*) | 17.366.041.000 | 20.523.503.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến tổ chức và khác                        | 3.131.606.770  | 3.963.573.071  |
| Công ty TNHH SXTM Vĩnh Phương - Chi phí đầu tư mở rộng xưởng Dệt Denim 1      | 3.131.606.770  | 3.963.573.071  |
| Cộng                                                                          | 20.497.647.770 | 24.487.076.071 |

(\*) Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

|                                                                            | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i>                                              | <i>55.166.499.398</i>  | <i>40.488.480.033</i>  |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Chi phí lãi vay                                | 2.794.184.998          | 3.079.684.033          |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Cổ tức phải trả                                | 52.372.314.400         | 37.408.796.000         |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>                                | <i>75.990.698.924</i>  | <i>62.757.696.254</i>  |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm – Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh | 19.500.000.000         | 19.500.000.000         |
| Cổ tức phải trả                                                            | 53.293.689.860         | 37.954.590.235         |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                                           | 3.197.009.064          | 5.303.106.019          |
| <b>Cộng</b>                                                                | <b>131.157.198.322</b> | <b>103.246.176.287</b> |

21b. Phải trả dài hạn khác

|                                                            | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương - Nhận góp vốn dài hạn | 5.226.000.000         | 5.226.000.000        |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                               | 8.665.296.000         | 4.700.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>13.891.296.000</b> | <b>9.926.000.000</b> |

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

|                                                                               | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan</i>                                  | <i>16.438.837.322</i>  | <i>14.250.503.699</i>  |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.22b)                          | 16.438.837.322         | 14.250.503.699         |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>357.823.500.913</i> | <i>388.333.294.688</i> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng (*)                                                    | 281.070.539.960        | 305.420.464.768        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam                                  | 8.980.019.302          | -                      |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam                                           | 94.654.835.424         | 65.080.657.370         |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                                          | 168.538.506.791        | 184.337.182.129        |
| Ngân hàng TMCP Á Châu                                                         | 8.897.178.443          | 49.938.994.448         |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế                                                        | -                      | 6.063.630.821          |
| Vay ngắn hạn các cá nhân (xem thuyết minh số V.22b)                           | 71.472.960.953         | 70.632.567.208         |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)                            | -                      | 1.920.000.000          |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)                      | 5.280.000.000          | 10.360.262.712         |
| <b>Cộng</b>                                                                   | <b>374.262.338.235</b> | <b>402.583.798.387</b> |

(\*) Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động.

Trong đó:

- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 91.684.173.464 VND (số đầu năm là 47.146.763.352 VND) được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu, hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 60.000.000.000 VND và 40.000.000.000 VND, thế chấp tài sản là “Máy cắt ngang khổ hẹp”, “Máy vắt sổ bàn xoay điện từ tốc độ cao Yamato” và “Máy khâu go tự động tháo rời” (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 163.522.094.367 VND (số đầu năm là 172.922.885.899 VND) được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1 tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị đã qua sử dụng là: Máy dệt khí Tsudakoma (18 máy), Hệ thống khí nén và hệ thống điện động lực, Máy dệt Toyota (12 máy), 01 máy Tumbler, 01 máy may ngang tự động Texpa, 08 máy se sợi, 04 máy đậu và máy móc thiết bị khác và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị thế chấp tối thiểu là 245.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.7 và V.9).
- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Á Châu ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.218.071.797 VND (số đầu năm là 49.938.994.448 VND) được đảm bảo bằng quyền đòi nợ một số công nợ phải thu của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

|                                                                                           | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>                                                 | <i>516.330.778.162</i> | <i>509.186.881.533</i> |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam <sup>(i)</sup>                                                  | 516.330.778.162        | 509.186.881.533        |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>              | <i>71.457.800.923</i>  | <i>51.877.333.602</i>  |
| Vay dài hạn ngân hàng                                                                     | 6.325.404.134          | -                      |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(ii)</sup>                                      | 6.325.404.134          | -                      |
| Nợ thuê tài chính                                                                         | 65.132.396.789         | 51.877.333.602         |
| Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(iii)</sup> | 65.132.396.789         | 51.829.355.539         |
| Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease <sup>(iv)</sup>                     | -                      | 47.978.063             |
| <b>Cộng</b>                                                                               | <b>587.788.579.085</b> | <b>561.064.215.135</b> |

(i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú theo Hợp đồng số 0312/NTH/2024/CD ngày 05 tháng 6 năm 2024 với số tiền vay tối đa là 44.000.000.000 VND để đầu tư máy móc thiết bị và xây dựng nhà kho phục vụ năng lực sản xuất khăn với lãi suất theo từng lần giải ngân (được điều chỉnh 06 tháng/lần). Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay của phương án “Đầu tư năng lực sản xuất khăn”; Thế chấp tài sản là Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1 tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 tại xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú 1”; Hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú 2” và Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị thế chấp tối thiểu là 245.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.7 và V.9).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 90.22.04/CTTC ngày 07 tháng 6 năm 2022 với số tiền 512.960,00 USD để thuê máy cày sấy định hình, bộ chống chéo canh và hệ thống kiểm soát khuôn. Thời hạn thuê 84 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 16.000.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.22.12/CTTC ngày 19 tháng 9 năm 2022 với số tiền 23.631,20 USD để thuê máy đào cone, hệ thống hút bụi và thiết bị nổi về khí nén. Thời hạn thuê 84 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 800.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.22.13/CTTC ngày 19 tháng 9 năm 2022 với số tiền 42.504,00 USD để thuê máy so, phân tích màu và phần mềm Datacolor Match Textile. Thời hạn thuê 84 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 1.400.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.22.06/CTTC ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số tiền 340.080,00 EUR để thuê 02 máy nhuộm cao áp. Thời hạn thuê 84 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 11.000.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.22.07/CTTC ngày 29 tháng 8 năm 2022 với số tiền 5.795.280.000 VND để thuê máy sấy Tumbler, hệ thống tái chế khí, máy đọc và kiểm soát độ ẩm. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 7.500.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.22.11/CTTC ngày 19 tháng 9 năm 2022 với số tiền 1.504.349,6 USD để thuê máy dệt khí Toyota. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 47.500.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.22.15/CTTC ngày 18 tháng 11 năm 2022 với số tiền 34.400,00 USD để thuê xe vận chuyển trực bông. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 1.100.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.23.01/CTTC ngày 27 tháng 2 năm 2023 với số tiền 664.549.983 VND để thuê máy nối Knotmaster và các phụ kiện đi kèm. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 900.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.23.04/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2023 với số tiền 978.160.000 VND để thuê xe ô tô con Fortuner. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 1.500.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.23.14/CTTC ngày 15 tháng 12 năm 2023 với số tiền 989.600.000 VND để thuê xe ô tô con Fortuner. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 1.400.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.23.12/CTTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 với số tiền 375.374.580 VND để thuê máy vắt ly tâm. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 550.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.23.13/CTTC ngày 27 tháng 12 năm 2023 với số tiền 3.628.800.000 VND để thuê 02 máy cắt ngang tự động Hengtai. Thời hạn thuê 84 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 5.000.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.24.02/CTTC ngày 24 tháng 4 năm 2024 với số tiền 449.280.000 VND để thuê xe nâng dầu 03 tấn. Thời hạn thuê 60 tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 600.000 VND.
  - Hợp đồng số 90.24.10/CTTC ngày 12 tháng 8 năm 2024 với số tiền 26.240.000.000 VND để thuê dây chuyền sản xuất sợi OE. Thời hạn thuê 60 tháng. Giá mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 33.000.000 VND.

- (iv) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú theo hợp đồng số C201036902 ngày 27 tháng 11 năm 2020 với số tiền 2.111.035.190 VND để mua hệ thống dây chuyền in bông 10 màu. Thời hạn thuê 48 tháng đến ngày 11 tháng 12 năm 2024. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê là 2.973.289 VND. Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú đã tất toán trước hạn khoản vay này trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

|                              | Tổng nợ                | Từ 01 năm trở xuống   | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm            |
|------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>           |                        |                       |                        |                        |
| Vay dài hạn ngân hàng        | 6.325.404.134          | -                     | -                      | 6.325.404.134          |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 532.769.615.484        | 16.438.837.322        | 84.422.609.147         | 431.908.169.015        |
| Nợ thuê tài chính            | 70.412.396.789         | 5.280.000.000         | 61.164.159.429         | 3.968.237.360          |
| <b>Cộng</b>                  | <b>609.507.416.407</b> | <b>21.718.837.322</b> | <b>145.586.768.576</b> | <b>442.201.810.509</b> |
| <b>Số đầu năm</b>            |                        |                       |                        |                        |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 525.357.385.232        | 16.170.503.700        | 73.184.298.000         | 436.002.583.532        |
| Nợ thuê tài chính            | 62.237.596.314         | 10.360.262.711        | 39.235.329.752         | 12.642.003.851         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>587.594.981.546</b> | <b>26.530.766.411</b> | <b>112.419.627.752</b> | <b>448.644.587.383</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Trong năm 2021, căn cứ theo nội dung phán quyết của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 12 năm 2021 về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND. Theo đó, mức dự phòng phải trả tổn thất được dựa trên diện tích 9.568 m<sup>2</sup> đất (tương ứng diện tích phần đất liên kế đã huy động vốn và ký hợp đồng chuyển nhượng) và tỷ lệ tổn thất là 28% phần vốn góp của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Số đầu năm            | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm       | Số cuối năm           |
|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 11.568.294.582        | 16.827.860.988                 | (20.172.934.331)        | 8.223.221.239         |
| Quỹ phúc lợi                      | 657.094.501           | 6.000.000.000                  | (4.740.670.216)         | 1.916.424.285         |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 2.827.447.219         | 18.206.322.095                 | (17.612.528.095)        | 3.421.241.219         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>15.052.836.302</b> | <b>41.034.183.083</b>          | <b>(42.526.132.642)</b> | <b>13.560.886.743</b> |

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                           | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam | 374.087.960.000        | 374.087.960.000        |
| Các cổ đông khác          | 372.620.950.000        | 372.620.950.000        |
| <b>Cộng</b>               | <b>746.708.910.000</b> | <b>746.708.910.000</b> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25c. Cổ phiếu

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 74.670.891  | 74.670.891 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 74.670.891  | 74.670.891 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 74.670.891  | 74.670.891 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 74.670.891  | 74.670.891 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 74.670.891  | 74.670.891 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 142/NQ-ĐHĐCĐ/PP ngày 16 tháng 5 năm 2024 như sau:

|                                                                                            | Số được phân phối | Đã tạm ứng cổ tức trong năm trước | Số trích trong năm nay |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------|------------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông                                                              | 224.012.673.000   | 186.677.227.500                   | 37.335.445.500         |
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển                                                              | 17.529.434.000    | -                                 | 17.529.434.000         |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                                          | 17.529.434.000    | -                                 | 17.529.434.000         |
| • Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và kinh phí ngoại giao (3%) | 10.517.660.000    | -                                 | 10.517.660.000         |
| • Trích thưởng vượt kế hoạch (10% lợi nhuận vượt kế hoạch)                                 | 6.099.134.000     | -                                 | 6.099.134.000          |

Ngoài ra, trong năm Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2024 như sau:

- Theo Quyết định số 172/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng quản trị và Thông báo số 173/TB-PP ngày 13 tháng 6 năm 2024, Tổng Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 với tỷ lệ 6%/mệnh giá, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tạm ứng là ngày 28 tháng 6 năm 2024 và ngày thực hiện chi trả kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 với số tiền 44.802.534.600 VND.
- Theo Quyết định số 378/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị, Thông báo số 379/TB-PP ngày 16 tháng 12 năm 2024, Thông báo số 413/TB-PP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định số 411/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc điều chỉnh ngày đăng ký chốt quyền chi trả cổ tức năm 2024, Tổng Công ty tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 với tỷ lệ 14%/mệnh giá, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tạm ứng là ngày 13 tháng 01 năm 2025. Tổng Công ty đã ghi nhận khoản tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 này với số tiền 104.539.247.400 VND trên khoản mục “Phải trả khác ngắn hạn” (mã số 319) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

26a. Ngoại tệ các loại

|                 | Số cuối năm  | Số đầu năm   |
|-----------------|--------------|--------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 1.475.828,95 | 1.444.432,82 |
| Euro (EUR)      | 751,64       | 1.318,04     |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

|                                                      | Số cuối năm |               | Số đầu năm |               | Nguyên nhân xóa sổ        |
|------------------------------------------------------|-------------|---------------|------------|---------------|---------------------------|
|                                                      | Nguyên tệ   | VND           | Nguyên tệ  | VND           |                           |
| G.F.G SRL                                            | 76.693,80   | 1.795.401.858 | 76.693,80  | 1.795.401.858 | Không có khả năng thu hồi |
| Sky Imports                                          | 46.947,60   | 1.099.043.316 | 46.947,60  | 1.099.043.316 | Không có khả năng thu hồi |
| Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại-Dịch vụ Bạch Việt | -           | 591.750.229   | -          | 591.750.229   | Không có khả năng thu hồi |
| Các khách hàng khác                                  | 20.987,04   | 1.495.611.265 | 20.987,04  | 1.495.611.265 | Không có khả năng thu hồi |
| Cộng                                                 |             | 4.981.806.668 |            | 4.981.806.668 |                           |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

|                                          | Năm nay           | Năm trước         |
|------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm                 | 1.824.172.245.220 | 1.467.398.508.766 |
| Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | 413.733.610.587   | 286.504.370.392   |
| Doanh thu kinh doanh bán bất động sản    | 148.645.997       | 619.877.344       |
| Cộng                                     | 2.238.054.501.804 | 1.754.522.756.502 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, trong năm Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác không phải công ty liên doanh, liên kết như sau:

|                                             | Năm nay        | Năm trước      |
|---------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</b>    |                |                |
| Cung cấp dịch vụ                            | 16.391.493.534 | 14.981.054.966 |
| <b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ</b> |                |                |
| Cung cấp dịch vụ                            | 2.251.027.071  | 2.008.961.060  |
| <b>Công ty Cổ phần Phước Lộc</b>            |                |                |
| Bán hàng hóa, thành phẩm                    | 70.842.612.052 | 48.025.067.514 |
| Cung cấp dịch vụ                            | 7.849.603.204  | 5.789.008.155  |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

|                       | Năm nay       | Năm trước     |
|-----------------------|---------------|---------------|
| Chiết khấu thương mại | 1.262.156.956 | 808.139.034   |
| Hàng bán bị trả lại   | 4.114.914.166 | 4.292.420.831 |
| Giảm giá hàng bán     | -             | 40.800.000    |
| Cộng                  | 5.377.071.122 | 5.141.359.865 |

3. Giá vốn hàng bán

|                                           | Năm nay           | Năm trước         |
|-------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán             | 1.489.568.197.518 | 1.174.997.101.258 |
| Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp | 316.278.929.472   | 233.627.689.675   |
| Giá vốn của bất động sản đã bán           | -                 | 645.454.545       |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho  | (2.319.154.389)   | (7.632.810.616)   |
| Cộng                                      | 1.803.527.972.601 | 1.401.637.434.862 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                    | Năm nay        | Năm trước      |
|------------------------------------|----------------|----------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn          | 68.248.700     | 130.590.492    |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn             | 23.319.517.976 | 24.839.409.805 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia        | 9.751.686.000  | 8.841.570.000  |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh    | 13.166.379.186 | 9.471.948.157  |
| Các khoản doanh thu tài chính khác | 2.243.757.815  | -              |
| Cộng                               | 48.549.589.677 | 43.283.518.454 |

5. Chi phí tài chính

|                                                                            | Năm nay         | Năm trước      |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Chi phí lãi vay                                                            | 54.671.580.549  | 59.352.205.703 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh                                             | 6.264.274.081   | 6.700.054.973  |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 22.263.262.240  | 16.843.485.309 |
| Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư                                          | 10.861.466.074  | 4.820.129.544  |
| Chi phí hỗ trợ giảm lãi chậm thanh toán                                    | 9.415.761.812   | -              |
| Chi phí tài chính khác                                                     | -               | 20.000.000     |
| Cộng                                                                       | 103.476.344.756 | 87.735.875.529 |

6. Chi phí bán hàng

|                               | Năm nay        | Năm trước      |
|-------------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí cho nhân viên         | 24.363.711.618 | 16.077.726.894 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.498.671.565  | 874.318.567    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 49.425.497.961 | 45.943.073.992 |
| Chi phí khác                  | 13.102.295.927 | 14.164.430.498 |
| Cộng                          | 88.390.177.071 | 77.059.549.951 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                                   | Năm nay         | Năm trước       |
|---------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí cho nhân viên                             | 89.516.493.085  | 75.068.159.456  |
| Chi phí vật liệu quản lý                          | 7.895.156.485   | 5.319.515.531   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                  | 4.318.714.172   | 4.433.240.780   |
| Chi phí phân bổ lợi thế thương mại                | 3.936.650.480   | 3.936.650.480   |
| Thuế, phí và lệ phí                               | 80.618.334.105  | 78.918.175.060  |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi | (625.121.911)   | 4.658.590.671   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                         | 61.167.428.083  | 42.197.113.300  |
| Chi phí khác                                      | 11.377.501.685  | 7.293.426.892   |
| Cộng                                              | 258.205.156.184 | 221.824.872.170 |

8. Thu nhập khác

|                                          | Năm nay       | Năm trước   |
|------------------------------------------|---------------|-------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 4.422.439.004 | -           |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng               | 4.328.816.607 | 60.000.000  |
| Thu nhập khác                            | 145.154.243   | 64.867.296  |
| Cộng                                     | 8.896.409.854 | 124.867.296 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí khác

|                                         | Năm nay       | Năm trước     |
|-----------------------------------------|---------------|---------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -             | 1.688.605.636 |
| Chi phí hỗ trợ chuyển giao nhà máy      | -             | 2.564.726.758 |
| Nộp tiền phạt, chậm nộp                 | 3.796.545.319 | -             |
| Chi phí khác                            | 710.458.155   | 812.334.831   |
| Cộng                                    | 4.507.003.474 | 5.065.667.225 |

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                             | Năm nay          | Năm trước        |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ             | 373.773.464.227  | 311.362.639.035  |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                             | (23.382.092.574) | (9.388.278.906)  |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành              | (12.239.884.623) | (11.936.555.427) |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát                                  | (1.621.200.000)  | (1.429.200.000)  |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 336.530.287.030  | 288.608.604.702  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 74.670.891       | 74.670.891       |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                                           | 4.507            | 3.865            |

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay           | Năm trước         |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.400.226.333.530 | 1.041.119.049.701 |
| Chi phí nhân công                | 382.556.176.089   | 345.480.253.266   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 142.536.047.428   | 111.185.872.631   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 403.548.150.739   | 296.299.252.727   |
| Chi phí khác                     | 108.899.651.202   | 105.634.239.864   |
| Cộng                             | 2.437.766.358.988 | 1.899.718.668.189 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

|                                                     | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Cần trừ tiền lãi cho vay và chi phí lãi vay         | 4.821.344.802  | 9.537.942.945  |
| Cần trừ tiền lãi cho vay và chi phí lãi vay         | -              | -              |
| Mua sắm tài sản cố định bằng nhận nợ thuê tài chính | 30.693.454.580 | 55.227.688.222 |

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

|                                      | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
| - Phải trả tiền mua tài sản cố định  | 4.729.426.540 | 94.464.601    |
| - Trả trước tiền mua tài sản cố định | 3.159.977.266 | 1.678.112.146 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp của khu đất tại Số 2 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh tính đến năm 2024 theo các thông báo của Chi cục Thuế quận Tân Phú (xem thuyết minh số VIII.5).

Mặt khác, Tập đoàn nhận được Thông báo số 14447/TB-CTTPHCM ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất từ ngày 10 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Thông báo số 10874/STNMT-QLĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về diện tích và mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất thương mại, dịch vụ tương ứng với từng diện tích và vị trí đất Tập đoàn thuê. Đến thời điểm lập báo cáo này, Tập đoàn chưa nhận được thông báo chính thức số tiền thuê đất phải nộp của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh và chưa ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy các khoản tiền thuê đất và các nghĩa vụ có liên quan phát sinh (nếu có) được trình bày trên Báo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế xác định lại chính thức số phải nộp của Tập đoàn.

2. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 66.582.964.325         | 56.445.363.656         |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 242.571.534.374        | 178.406.423.965        |
| Trên 05 năm            | 258.904.260.687        | 232.989.913.420        |
| <b>Cộng</b>            | <b>568.058.759.386</b> | <b>467.841.701.041</b> |

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

|                                     | Năm nay              | Năm trước            |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát  | 904.000.000          | 756.000.000          |
| Tổng Giám đốc và người quản lý khác | 7.261.022.582        | 6.100.022.860        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>8.165.022.582</b> | <b>6.856.022.860</b> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác                                          | Mối quan hệ                                    |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam                                   | Công ty mẹ                                     |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú                                | Công ty liên kết                               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn | Công ty liên kết                               |
| Công ty Cổ phần May Đà Lạt                                  | Công ty liên kết                               |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức    | Công ty liên kết                               |
| Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú     | Công ty liên kết                               |
| Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam                                | Công ty liên kết                               |
| Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang                           | Công ty liên kết                               |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú                           | Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt   |
| Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ                        | Công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ                          | Công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt may Nam Định                   | Công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam      |
| Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương                         | Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam |
| Tổng Công ty May 10 – CTCP                                  | Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam |
| Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP                              | Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam |
| Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP                              | Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam |
| Công ty Cổ phần Phước Lộc                                   | Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt   |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết và giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|                                            | Năm nay        | Năm trước       |
|--------------------------------------------|----------------|-----------------|
| <b>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>           |                |                 |
| Cổ tức phải trả                            | 93.521.990.000 | 149.635.184.000 |
| Lãi vay phải trả                           | 38.531.336.966 | 36.299.798.884  |
| Mua hàng hóa                               | 3.253.607.972  | 492.083.000     |
| Chi phí dịch vụ                            | 487.303.727    | 298.860.606     |
| Bán thành phẩm                             | 504.074.719    | 595.881.080     |
| <b>Công ty Cổ phần Dệt may Huế</b>         |                |                 |
| Mua hàng hóa                               | 3.074.557.138  | -               |
| <b>Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh</b> |                |                 |
| Mua hàng hóa                               | 820.331.194    | -               |
| <b>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</b>   |                |                 |
| Cổ tức được chia                           | 7.200.000.000  | 7.200.000.000   |
| Bán thành phẩm                             | 64.857.425     | -               |
| Cổ tức phải trả                            | 2.509.687.500  | 4.015.500.000   |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |                |
| Cổ tức được chia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1.651.686.000  | -              |
| Mua nguyên vật liệu, thành phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 85.902.532     | -              |
| <b>Công ty Cổ phần Phước Lộc</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                |
| Cổ tức được chia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 900.000.000    | 900.000.000    |
| Mua hàng hóa, nguyên liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 85.312.333.418 | 64.397.577.810 |
| Cổ tức phải trả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 64.487.500     | 103.180.000    |
| <b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                |                |
| Bán thành phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.827.280      | -              |
| Cung cấp dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2.251.027.071  | -              |
| <b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |                |
| Bán thành phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5.050.140      | -              |
| <b>Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                |
| Bán thành phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 23.009.195     | -              |
| <b>Tổng Công ty May 10 – CTCP</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                |                |
| Bán thành phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 458.335        | -              |
| <b>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                |
| Mua nguyên vật liệu, thành phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 12.166.600     | -              |
| <b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |                |
| Mua nguyên vật liệu, thành phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 293.292.000    | -              |
| Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.                                                                                                                                                                                     |                |                |
| <b>Công nợ với các bên liên quan khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |                |
| Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.15, V.16, V.21 và V.22.                                                                                                                                                                                                                                              |                |                |
| Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.                                                                                                                                               |                |                |
| <b>4. Thông tin về bộ phận</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |                |
| Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.                                                   |                |                |
| <b>4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                |                |
| Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |                |
| <ul style="list-style-type: none"><li>Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và tiêu thụ vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.</li><li>Các lĩnh vực khác: mua bán sợi và nguyên vật liệu sản xuất khác, dịch vụ giáo dục mầm non, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.</li></ul> |                |                |
| Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 05 đính kèm.                                                                                                                                                                                                                                                           |                |                |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4b.

Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

|               |                   |                   |
|---------------|-------------------|-------------------|
|               | Năm nay           | Năm trước         |
| Việt Nam      | 1.371.060.609.639 | 1.052.169.398.396 |
| Các nước khác | 861.616.821.043   | 697.211.998.241   |
| Cộng          | 2.232.677.430.682 | 1.749.381.396.637 |

5.

Số liệu so sánh

Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp của khu đất tại Số 2 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh tính đến năm 2024 theo các Thông báo số 09/TB-CCTTP ngày 20 tháng 3 năm 2024, Thông báo số 253487/TB-TB07-CCTTP ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Thông báo số 14791/TB-CCTTP ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thuế quận Tân Phú về tiền thuê đất còn phải nộp đến năm 2024.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

|                                      |       |                          |                  |                        |
|--------------------------------------|-------|--------------------------|------------------|------------------------|
|                                      | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh   | Số liệu sau điều chỉnh |
| <b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b> |       |                          |                  |                        |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước  | 313   | 108.305.519.548          | 44.776.178.674   | 153.081.698.222        |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối    | 421   | 497.856.654.005          | (44.776.178.674) | 453.080.475.331        |

6.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.

Thông tin khác

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6077/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, hai bên phải giao trả, chuyển giao những gì mà hai bên đã thỏa thuận của nhau trước đây và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau; thông báo cho các bên có liên quan về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức; giải quyết các vấn đề phát sinh với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án do hai bên đã ký kết trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 18 tháng 12 năm 2021 và xét xử phúc thẩm vào ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 đã đưa ra phán quyết về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm chuyển nhượng là 348.779.619.741 VND. Theo đó, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND (xem thuyết minh số V.23).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức là 187.766.564.464 VND (xem thuyết minh số V.7).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đến nay Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 52/HĐHT-TCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty không bị tuyên hủy bỏ hay vô hiệu và các bên tham gia đều chưa yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hoặc thay đổi tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận. Hai bên cũng đã thống nhất sẽ thuê đơn vị khảo sát độc lập để khảo sát thực trạng, đánh giá và kết luận về công tác xây dựng trên toàn diện dự án và kiểm toán liên quan đến tài chính của dự án để làm cơ sở bàn giao lại dự án cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV làm chủ đầu tư. Từ đó các bên tham gia hợp tác sẽ đề xuất với Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải quyết quan hệ với các khách hàng đã ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 Tổng Công ty đã tiến hành giao tài sản dự án khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV. Hiện tại Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV – TNHH MTV đang thực hiện các bước tiếp theo và chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Trần Lan Anh  
Người lập

Lê Thị Tú Anh  
Kế toán trưởng

Dương Khuê  
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Đơn vị tính: VND                       |                        |                     |                                 |                           |                   |
|----------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------|
|                                        | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng              |
| Nguyên giá                             |                        |                     |                                 |                           |                   |
| Số đầu năm                             | 677.853.624.328        | 1.563.669.884.123   | 48.598.813.213                  | 11.395.766.453            | 2.301.518.088.117 |
| Mua trong năm                          | -                      | 3.016.155.981       | -                               | 1.448.000.000             | 4.464.155.981     |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành      | -                      | 8.730.066.944       | 6.774.677.573                   | -                         | 15.504.744.517    |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | -                      | 13.717.632.454      | -                               | -                         | 13.717.632.454    |
| Thanh lý, nhượng bán                   | -                      | (47.835.909.548)    | (50.750.000)                    | -                         | (47.886.659.548)  |
| Số cuối năm                            | 677.853.624.328        | 1.541.297.829.954   | 55.322.740.786                  | 12.843.766.453            | 2.287.317.961.521 |
| Trong đó:                              |                        |                     |                                 |                           |                   |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng  | 61.432.353.928         | 421.887.442.213     | 10.028.955.736                  | 3.776.420.883             | 497.125.172.760   |
| Chờ thanh lý                           | -                      | -                   | -                               | -                         | -                 |
| Giá trị hao mòn                        |                        |                     |                                 |                           |                   |
| Số đầu năm                             | 241.993.998.440        | 978.677.119.384     | 29.247.412.660                  | 6.555.658.512             | 1.256.474.188.996 |
| Khấu hao trong năm                     | 27.516.296.055         | 98.567.899.254      | 4.155.136.445                   | 603.601.797               | 130.842.933.551   |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | -                      | 3.919.311.638       | -                               | -                         | 3.919.311.638     |
| Thanh lý, nhượng bán                   | -                      | (46.446.675.058)    | (50.750.000)                    | -                         | (46.497.425.058)  |
| Số cuối năm                            | 269.510.294.495        | 1.034.717.655.218   | 33.351.799.105                  | 7.159.260.309             | 1.344.739.009.127 |
| Giá trị còn lại                        |                        |                     |                                 |                           |                   |
| Số đầu năm                             | 435.859.625.888        | 584.992.764.739     | 19.351.400.553                  | 4.840.107.941             | 1.045.043.899.121 |
| Số cuối năm                            | 408.343.329.833        | 506.580.174.736     | 21.970.941.681                  | 5.684.506.144             | 942.578.952.394   |
| Trong đó:                              |                        |                     |                                 |                           |                   |
| Tạm thời chưa sử dụng                  | -                      | -                   | -                               | -                         | -                 |
| Đang chờ thanh lý                      | -                      | -                   | -                               | -                         | -                 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Trần Lan Anh  
Người lập

Lê Thị Tú Anh  
Kế toán trưởng

Dương Khuê  
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Đơn vị tính: VND                                 |                 |             |                        |                   |               |             |
|--------------------------------------------------|-----------------|-------------|------------------------|-------------------|---------------|-------------|
|                                                  | Số đầu năm      |             | Số phát sinh trong năm |                   | Số cuối năm   |             |
|                                                  | Phải nộp        | Phải thu    | Số phải nộp            | Số đã thực nộp    | Phải nộp      | Phải thu    |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | 382.180.812     | -           | 17.148.210.867         | (15.129.827.539)  | 2.400.564.140 | -           |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu                         | -               | -           | 3.733.099.933          | (3.733.099.933)   | -             | -           |
| Thuế xuất, nhập khẩu                             | -               | -           | 448.545.364            | (448.545.364)     | -             | -           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 1.029.362.446   | 207.769.015 | 3.482.742.573          | (3.874.434.936)   | 637.670.083   | 207.769.015 |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 4.713.948.795   | -           | 27.652.025.401         | (30.898.101.092)  | 1.467.873.104 | -           |
| Thuế tài nguyên                                  | 12.833.450      | -           | 256.092.210            | (255.092.050)     | 13.833.610    | -           |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất                      | 121.208.629.036 | -           | 82.527.983.102         | (203.135.311.534) | 601.300.604   | -           |
| Thuế nhà thầu                                    | -               | -           | 90.877.326             | (90.877.326)      | -             | -           |
| Thuế môn bài                                     | -               | -           | 20.500.000             | (20.500.000)      | -             | -           |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 25.734.743.683  | -           | 3.571.405.126          | (29.306.148.809)  | -             | -           |
| Cộng                                             | 153.081.698.222 | 207.769.015 | 138.931.481.902        | (286.891.938.583) | 5.121.241.541 | 207.769.015 |

Trần Lan Anh

Người lập

Lê Thị Tú Anh

Kế toán trưởng

Dương Khuê

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuế tài chính

| Đơn vị tính: VND                                                                        |                 |                                 |                                 |                      |                   |                              |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------------|-----------------|
| Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn trong năm như sau: |                 |                                 |                                 |                      |                   |                              |                 |
|                                                                                         | Số đầu năm      | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Tăng do lãi nhập gốc | Chênh lệch tỷ giá | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm     |
| Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan                                                   | 14.250.503.699  | -                               | 16.407.437.552                  | -                    | 603.856.628       | (14.822.960.557)             | 16.438.837.322  |
| Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác                  | 388.333.294.688 | 1.030.647.552.792               | 6.896.028.470                   | 1.953.641.444        | 9.186.963         | (1.070.016.203.444)          | 357.823.500.913 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                                                  | 305.420.464.768 | 1.029.614.052.792               | -                               | -                    | 9.186.963         | (1.053.973.164.563)          | 281.070.539.960 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân                                                                | 70.632.567.208  | 1.033.500.000                   | -                               | 1.953.641.444        | -                 | (2.146.747.699)              | 71.472.960.953  |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                                                 | 1.920.000.000   | -                               | -                               | -                    | -                 | (1.920.000.000)              | -               |
| Nợ thuế tài chính đến hạn trả                                                           | 10.360.262.712  | -                               | 6.896.028.470                   | -                    | -                 | (11.976.291.182)             | 5.280.000.000   |
| Cộng                                                                                    | 402.583.798.387 | 1.030.647.552.792               | 23.303.466.022                  | 1.953.641.444        | 613.043.591       | (1.084.839.164.001)          | 374.262.338.235 |

| Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn trong năm như sau: |                 |                                 |                                               |                      |                   |                              |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------------|-----------------|
|                                                                                        | Số đầu năm      | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ dài hạn đến hạn trả | Tăng do lãi nhập gốc | Chênh lệch tỷ giá | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm     |
| Vay dài hạn các bên liên quan                                                          | 509.186.881.533 | -                               | (16.407.437.552)                              | -                    | 23.551.334.181    | -                            | 516.330.778.162 |
| Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác                 | 51.877.333.602  | 37.018.858.714                  | (6.896.028.470)                               | -                    | -                 | (10.542.362.923)             | 71.457.800.923  |
| Vay dài hạn ngân hàng                                                                  | -               | 6.325.404.134                   | -                                             | -                    | -                 | -                            | 6.325.404.134   |
| Nợ thuế tài chính                                                                      | 51.877.333.602  | 30.693.454.580                  | (6.896.028.470)                               | -                    | -                 | (10.542.362.923)             | 65.132.396.789  |
| Cộng                                                                                   | 561.064.215.135 | 37.018.858.714                  | (23.303.466.022)                              | -                    | 23.551.334.181    | (10.542.362.923)             | 587.788.579.085 |

Trần Lan Anh

Người lập

Lê Thị Tú Anh

Kế toán trưởng

Dương Khuê

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

153 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ 154

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Đơn vị tính: VND                                          |                        |                      |                       |                                   |                                 |                   |
|-----------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------|
|                                                           | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng              |
| Số dư đầu năm trước                                       | 746.708.910.000        | 32.368.276.001       | 440.807.767.529       | 539.772.159.353                   | 24.115.880.832                  | 1.783.772.993.715 |
| Điều chỉnh hồi tố tiền thuê đất, tiền phạt chậm nộp       | -                      | -                    | -                     | (44.776.178.674)                  | -                               | (44.776.178.674)  |
| Số dư đầu năm trước                                       | 746.708.910.000        | 32.368.276.001       | 440.807.767.529       | 494.995.980.679                   | 24.115.880.832                  | 1.738.996.815.041 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh trong năm trước               | -                      | -                    | -                     | -                                 | 100.000.000                     | 100.000.000       |
| Lợi nhuận trong năm trước                                 | -                      | -                    | -                     | 311.362.639.035                   | 5.380.495.747                   | 316.743.134.782   |
| Trích lập các quỹ trong năm trước                         | -                      | -                    | 30.216.167.734        | (53.801.048.706)                  | 2.099.709.279                   | (21.485.171.693)  |
| Chia cổ tức trong năm trước                               | -                      | -                    | -                     | (298.683.564.000)                 | (1.280.000.000)                 | (299.963.564.000) |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành | -                      | -                    | -                     | (1.024.913.537)                   | (85.753.129)                    | (1.110.666.666)   |
| Truy thu thuế                                             | -                      | -                    | -                     | (385.439.896)                     | -                               | (385.439.896)     |
| Các khoản điều chỉnh khác                                 | -                      | -                    | -                     | 616.821.756                       | -                               | 616.821.756       |
| Số dư cuối năm trước                                      | 746.708.910.000        | 32.368.276.001       | 471.023.935.263       | 453.080.475.331                   | 30.330.332.729                  | 1.733.511.929.324 |
| Số dư đầu năm nay                                         | 746.708.910.000        | 32.368.276.001       | 471.023.935.263       | 453.080.475.331                   | 30.330.332.729                  | 1.733.511.929.324 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh trong năm                     | -                      | -                    | -                     | -                                 | 260.000.000                     | 260.000.000       |
| Lợi nhuận trong năm nay                                   | -                      | -                    | -                     | 373.773.464.227                   | 6.767.510.622                   | 380.540.974.849   |
| Trích lập các quỹ trong năm nay                           | -                      | -                    | 41.372.355.446        | (84.366.956.515)                  | 1.960.417.986                   | (41.034.183.083)  |
| Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức trong năm nay                 | -                      | -                    | -                     | (186.677.227.500)                 | (1.600.000.000)                 | (188.277.227.500) |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành | -                      | -                    | -                     | (1.011.644.444)                   | (70.800.000)                    | (1.082.444.444)   |
| Các khoản điều chỉnh khác                                 | -                      | -                    | -                     | 99.702.194                        | -                               | 99.702.194        |
| Số dư cuối năm nay                                        | 746.708.910.000        | 32.368.276.001       | 512.396.290.709       | 554.897.813.293                   | 37.647.461.337                  | 1.884.018.751.340 |

  
Trần Lan Anh  
Người lập

  
Lê Thị Tú Anh  
Kế toán trưởng

  
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH  
Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025  
Đương Khuê  
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| Đơn vị tính: VND                                                                                                                                                                         |                   |                                        |                    |                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: |                   |                                        |                    |                   |
|                                                                                                                                                                                          | Lĩnh vực sản xuất | Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác | Các khoản loại trừ | Cộng              |
| Năm nay                                                                                                                                                                                  |                   |                                        |                    |                   |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                                                                                                                             | 1.818.795.174.098 | 413.882.256.584                        | -                  | 2.232.677.430.682 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                                                                                                                         | -                 | -                                      | -                  | -                 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ                                                                                                                                     | 1.818.795.174.098 | 413.882.256.584                        | -                  | 2.232.677.430.682 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                                                                                                                          | 331.546.130.969   | 97.603.327.112                         | -                  | 429.149.458.081   |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                                                                                                                                   |                   |                                        |                    | (346.595.333.255) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                                                                                                                        |                   |                                        |                    | 82.554.124.826    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                                                                                                                            |                   |                                        |                    | 48.549.589.677    |
| Chi phí tài chính                                                                                                                                                                        |                   |                                        |                    | (103.476.344.756) |
| Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                                                                                                                                      | 341.513.811.828   | 10.493.129.467                         |                    | 352.006.941.295   |
| Thu nhập khác                                                                                                                                                                            |                   |                                        |                    | 8.896.409.854     |
| Chi phí khác                                                                                                                                                                             |                   |                                        |                    | (4.507.003.474)   |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                                                                                             |                   |                                        |                    | (3.482.742.573)   |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                                                                                                                              |                   |                                        |                    | -                 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                                                                                                 |                   |                                        |                    | 380.540.974.849   |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                                                                                                             | 10.740.312.556    | -                                      | -                  | 10.740.312.556    |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn                                                                                                                               | 49.987.252.764    | 24.284.007.858                         | -                  | 74.271.260.622    |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)                                                                           | (773.310.189)     | (31.250.000)                           | -                  | (804.560.189)     |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

|                                                                                                                       | Lĩnh vực sản xuất        | Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác | Các khoản loại trừ | Cộng                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|--------------------|--------------------------|
| Năm trước                                                                                                             |                          |                                        |                    |                          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                                                          | 1.462.257.148.901        | 287.124.247.736                        | -                  | 1.749.381.396.637        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                                                      | -                        | -                                      | -                  | -                        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                                           | <b>1.462.257.148.901</b> | <b>287.124.247.736</b>                 | <b>-</b>           | <b>1.749.381.396.637</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                                                       | 294.892.858.259          | 52.851.103.516                         | -                  | 347.743.961.775          |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                                                                |                          |                                        |                    | (298.884.422.121)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                                                     |                          |                                        |                    | 48.859.539.654           |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                                                         |                          |                                        |                    | 43.283.518.454           |
| Chi phí tài chính                                                                                                     |                          |                                        |                    | (87.735.875.529)         |
| Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                                                                   | 335.271.498.326          | (15.003.383.748)                       |                    | 320.268.114.578          |
| Thu nhập khác                                                                                                         |                          |                                        |                    | 124.867.296              |
| Chi phí khác                                                                                                          |                          |                                        |                    | (5.065.667.225)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                          |                          |                                        |                    | (2.991.362.446)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                                                           |                          |                                        |                    | -                        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                                                       |                          |                                        |                    | <b>316.743.134.782</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>111.529.411.172</b>   | <b>6.150.147.545</b>                   | <b>-</b>           | <b>117.679.558.717</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                                                     | <b>96.835.431.134</b>    | <b>43.912.189.655</b>                  | <b>-</b>           | <b>140.747.620.789</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>4.158.590.671</b>     | <b>500.000.000</b>                     | <b>-</b>           | <b>4.658.590.671</b>     |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 18, phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

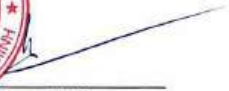
|                                        | Lĩnh vực sản xuất | Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác | Các khoản loại trừ | Cộng                     |
|----------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|--------------------|--------------------------|
| Số cuối năm                            |                   |                                        |                    |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 1.272.685.899.604 | 843.240.847.843                        | -                  | 2.115.926.747.447        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 4.502.496.148     | 73.192.157                             | -                  | 4.575.688.305            |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                   |                                        |                    | 1.458.549.617.583        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                   |                                        |                    | <b>3.579.052.053.335</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 709.525.970.547   | 697.823.893.360                        | -                  | 1.407.349.863.907        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 3.486.165.985     | 793.306.616                            | -                  | 4.279.472.601            |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                   |                                        |                    | 283.403.965.487          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                   |                                        |                    | <b>1.695.033.301.995</b> |
| Số đầu năm                             |                   |                                        |                    |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 1.229.025.131.828 | 878.614.527.670                        | -                  | 2.107.639.659.498        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 230.707.224       | 392.314.288                            | -                  | 623.021.512              |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                   |                                        |                    | 1.430.516.778.791        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                   |                                        |                    | <b>3.538.779.459.801</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 759.660.777.804   | 604.280.072.616                        | -                  | 1.363.940.850.420        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 766.156.304       | 221.346.493.881                        | -                  | 222.112.650.185          |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                   |                                        |                    | 219.214.029.872          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                   |                                        |                    | <b>1.805.267.530.477</b> |

  
Trần Lan Anh  
Người lập

  
Lê Thị Tú Anh  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

  
Đương Khuê  
Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật



Dương Khuê

